

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100100752 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004; đăng ký thay đổi lần 10 ngày 30 tháng 1 năm 2018)

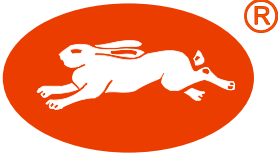
NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:..../SGD...- QĐ do..... cấp ngày ... tháng. ... năm....)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

TỔ CHỨC NIÊM YẾT



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Địa chỉ trụ sở chính: Số 72 đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024)-38 615 365 Fax: (024)-38 612 549

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 024 3773 7070 Fax: 024 3773 9058

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Võ Khánh Toàn

Số điện thoại: (024) 38611017 Chức vụ: TP Tài chính – Kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100100752 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004; đăng ký thay đổi lần 10 ngày 30 tháng 1 năm 2018)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu công ty cổ phần Pin Hà Nội

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: PHN

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 7.253.911 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 72.539.110.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu – Hà Nội – Việt Nam

Điện thoại : (024) 38 241 990/1 Fax : (024) 38 253 973

Email : aaschn@hn.vnn.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 52 Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Điện thoại: 024.7737070/ 2717171 Fax: 024.7739058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

Tầng 3. Tòa nhà Bến Thành Times Square. 136 -138 Lê Thị Hồng Gấm.
Phường Nguyễn Thái Bình. Quận 1. TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08. 6 290 8686

Fax: 08. 6 291 0607

Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng

100 Quang Trung. Phường Thạch Thang. Quận Hải Châu. TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3553 666

Fax: 0511. 3553 888

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế khách quan với những yếu tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất ... sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề. Là một Công ty hoạt động trong ngành sản xuất kinh doanh Pin và các sản phẩm liên quan, Công ty cũng sẽ chịu sự tác động đáng kể trước những biến động chung của nền kinh tế.

Rủi ro tăng trưởng kinh tế

World Bank đã ra báo cáo về Viễn cảnh kinh tế toàn cầu. Theo đó, tổ chức này dự báo kinh tế Việt Nam có thể tăng trưởng khoảng 6,8% trong năm 2018. Như vậy, World Bank đã điều chỉnh tăng 0,3 điểm % so với con số được đưa ra trong báo cáo Cập nhật Kinh tế Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương trước đó. Tại Việt Nam, tăng trưởng kinh tế có giảm trong quý 1/2018, xuống mức 7,7% so với cùng kỳ, sau khi đã đạt kết quả rất tốt vào thời điểm cuối 2017. Tuy nhiên, nếu tính từng quý thì đây vẫn là kết quả quý 1 tốt nhất trong 10 năm qua nhờ duy trì tiềm lực của lĩnh vực sản xuất công nghiệp, ngành dịch vụ hoạt động tốt và sản lượng nông nghiệp tăng.

Tuy vậy, nền kinh tế tiềm ẩn những rủi ro. Theo Bộ Tài chính, tổng nợ công của Việt Nam đã tăng mạnh từ mức 51,7% năm 2010 lên khoảng 61,3% GDP năm 2017, trong đó nợ trực tiếp của Chính phủ chiếm 48,9% GDP. WB đánh giá tình trạng mất cân đối tài khóa của Việt Nam đã tích tụ từ nhiều năm trước, nên cần phải giải quyết mới có thể đảm bảo tài chính công bền vững. Đồng thời, việc xử lý nợ xấu còn nhiều thách thức. Ngân hàng Nhà Nước thông báo tỷ lệ nợ xấu trong toàn hệ thống đã giảm xuống dưới 3% tổng dư nợ tín dụng, nhưng kết quả này có được phần nào là do các khoản nợ xấu đã được chuyển sang Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) cũng như do tổng tín dụng tăng mạnh. Thực tế, quá trình xử lý nợ xấu vẫn đang diễn ra chậm chạp, và cho đến nay chỉ có khoảng 7% tổng nợ xấu được xử lý. Rủi ro từ mất cân đối tài khóa và xử lý nợ xấu tiềm ẩn rủi ro gây bất ổn nền kinh tế, từ đó ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp hoạt động.

Rủi ro lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế. Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước 2012, chính phủ đã có những chính sách điều hành để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012, 6,04% năm 2013, 4,09% năm 2014. Đặc biệt tỷ lệ lạm phát cả năm 2015 ở mức 0,6% thấp kỷ lục trong 15 năm trở lại đây. Năm 2016 lạm phát có xu hướng tăng lại tuy nhiên vẫn nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đề ra trong đó chủ yếu tăng do biến động giá cả của giá nguyên nhiên vật liệu, lương thực thực phẩm, dịch vụ Y tế và điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng và lương cơ sở. Năm 2017, lạm phát tăng 3,53% vẫn nằm trong giới hạn mục tiêu 4% đã đề ra.

Lạm phát và kỳ vọng lạm phát thấp sẽ giúp cho mặt bằng lãi suất ổn định, hỗ trợ cho các kế hoạch sản xuất kinh doanh của các Công ty trong đó có CTCP Pin Hà Nội.

⚠️ Rủi ro lãi suất

Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí lãi vay hàng năm của Doanh nghiệp. Rủi ro thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay tài trợ thương mại xuất nhập khẩu. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình có liên quan thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó Công ty dự tính và điều chỉnh kế hoạch dòng tiền phù hợp.

Trong năm 2017, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tương đối ổn định. Lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn trên 12 tháng phổ biến ở mức 6,4-7,2%. Lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên đã giảm khoảng 0,5-1% so với đầu năm. Đối với khu vực sản xuất kinh doanh thông thường, lãi suất cho vay ở mức 6,8 - 11%/năm.

Dự báo năm 2018, khả năng rất khó để giảm lãi suất, có 4 nguyên nhân được nêu ra, thứ nhất đó là lãi suất đầu vào khó giảm; thứ hai: vấn đề nợ xấu hiện đã được xử lý nhanh hơn nhờ Nghị quyết 42. Tuy nhiên, để giải quyết triệt để thì không phải ngày một ngày hai mà cần cả một quá trình. Khi chưa thể xử lý nợ xấu nhanh hơn, hiệu quả hơn thì chưa thể giảm lãi suất. Thứ ba, chênh lệch giữa lãi suất đầu vào và đầu ra của các ngân hàng Việt Nam đang ở mức tương đối thấp so với khu vực, chỉ 2,2% - 2,4%, so với Trung Quốc khoảng 3%, Philippines, Indonesia khoảng 2,8%-3%.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi doanh nghiệp, một phần nguồn vốn được huy động từ nguồn vốn ngân hàng. Do đó, những biến động của lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

⚠️ Rủi ro về tỷ giá

Việc biến động tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty về mặt chi phí và doanh thu, cụ thể:

- Doanh thu xuất khẩu bằng ngoại tệ của công ty chiếm 30% tổng doanh thu.
- Chi phí nguyên vật liệu nhập khẩu; có nguồn gốc nhập khẩu hoặc được mua trong nước theo giá thế giới chiếm tỷ trọng khoảng 70% tổng chi phí nguyên vật liệu.

Mặt khác, sự biến động tỷ giá giữa USD và CNY cũng tác động trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty do tỷ trọng vật tư nhập khẩu có nguồn gốc từ Trung Quốc chiếm khoảng 25% tổng chi phí nguyên vật liệu.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đang hoạt động tuân theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Mặt khác Công ty hiện nay chuẩn bị niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, do vậy hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Hệ thống luật pháp Việt Nam chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện, việc thực thi lại chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, rủi ro về luật pháp còn có thể đến từ khả năng của Công ty không thể kịp thời cập nhật những thay đổi của luật pháp.

3. Rủi ro kinh doanh

Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại Quốc tế WTO sẽ tạo ra cơ hội và thách thức đòi hỏi các ngành nghề kinh doanh phải gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ Quốc tế.

Từ năm 2009, khi các công ty sản xuất Pin nước ngoài hoàn toàn được tự do đầu tư công nghệ và xây dựng các nhà máy sản xuất công nghiệp tại Việt Nam, Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ này trên nhiều phương diện như công nghệ, nhân sự, nguồn nguyên vật liệu, khả năng về vốn và kinh nghiệm đầu tư.

Đối thủ cạnh tranh của Công ty CP Pin Hà Nội chủ yếu từ phía Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam và các sản phẩm khác từ Trung Quốc. Hiện thị trường chính của công ty là thị trường phía Bắc nên Công ty cũng phải chịu sự cạnh tranh gay gắt hơn từ những sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc so với Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam.

4. Rủi ro đặc thù ngành

Đặc thù của ngành Pin là quá trình sản xuất sử dụng nguyên liệu là hóa chất như Clorua kẽm, kẽm kim loại, Mangan dyoxyt nên các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và điều kiện an toàn lao động phải được tuân thủ nghiêm ngặt. Các quy định về môi trường và an toàn lao động ngày càng nghiêm ngặt nên chi phí cho các hoạt động bảo hộ lao động và xử lý chất thải sẽ tăng cao ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, nhiều thiết bị sử dụng Pin trước đây như đèn pin, các thiết bị gia đình, đồ chơi điện tử ... có thể hoạt động nhờ các nguồn năng lượng khác dần thay thế các sản phẩm Pin của Công ty dẫn đến việc giảm doanh thu và lợi nhuận và áp lực phải đổi mới phát triển các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Do là Doanh nghiệp sản xuất, và nguồn nguyên vật liệu chính được nhập khẩu từ nước ngoài nên Công ty Cổ phần Pin Hà Nội còn gặp một số rủi ro khác như rủi ro về vận tải, rủi ro về thuế suất, rủi ro về sự thay đổi chính sách trong quản lý tài nguyên-môi trường cũng như kinh tế tại quốc gia cung cấp

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Phạm Văn Nghĩa Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám Đốc

Bà: Nguyễn Thị Thanh Hải Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Ông: Võ Khánh Toàn Chức vụ: Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện Tổ chức tư vấn : Bà Nguyễn Thị Hạnh

Chức vụ : Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

(Số 112-2016/QĐ/FPTS-FHR ngày 09/12/2016 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 20-2017/FPTS/FCF-HN/PIN HN với Công ty cổ phần Pin Hà Nội. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Pin Hà Nội cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCK	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HNX	:	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Công ty	:	Công ty cổ phần Pin Hà Nội
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
BGD	:	Ban Giám đốc
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
Điều lệ Công ty	:	Điều lệ của Công ty cổ phần Pin Hà Nội
Tổ chức niêm yết	:	Công ty cổ phần Pin Hà Nội
Phòng TC-HC-PV	:	Phòng Tổ chức – Hành chính – Phục vụ
Phòng KH-VT	:	Phòng Kế hoạch – Vật tư
Phòng KTCN-MT-KCS	:	Phòng Kỹ thuật công nghệ - Môi trường – Kiểm tra chất lượng sản phẩm
Phòng KTCD	:	Phòng Kỹ thuật – Cơ điện
Phòng TT-TT	:	Phòng Thị trường Tiêu thụ
Phòng TC-KT	:	Phòng Tài chính - Kế toán

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên công ty	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội
Tên tiếng Anh	Hanoi Battery Joint Stock Company
Tên viết tắt	HABACO
Đăng ký kinh doanh	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100100752 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004; đăng ký thay đổi lần 10 ngày 30 tháng 1 năm 2018
Ngày trở thành công ty đại chúng	02 tháng 01 năm 2004
Biểu tượng	
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phạm Văn Nghĩa – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Trụ sở đăng ký của Công ty	Số 72 đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	(024) – 38 615 365
Fax	(024) – 38 612 549
Website	www.habaco.com.vn
Vốn điều lệ đăng ký	72.539.110.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	72.539.110.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh	Sản xuất pin và ắc quy

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Tiền thân Công ty cổ phần Pin Hà Nội là Nhà máy Pin Văn Điển, được thành lập từ đầu năm 1960. Đây là nhà máy đầu tiên và duy nhất ở miền Bắc lúc đó sản xuất và cung cấp pin phục vụ quốc phòng, an ninh và các mục đích khác của nền kinh tế quốc dân. Với thiết kế công suất ban đầu 5 triệu chiếc pin /năm, sản xuất chủ yếu là pin R20 và R40.

Trải qua gần 60 năm hoạt động, Công ty đã từng bước phát triển và đi lên trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của ngành Pin cả nước, với sự đầu tư, phát triển về công nghệ và thiết bị một cách mạnh mẽ.

Các mốc phát triển quan trọng của Công ty:

Thời gian	Nội dung
Năm 1960	Nhà máy Pin Văn Điển Bắt đầu quá trình xây dựng
Tháng 9 năm 1983	Đổi tên thành Nhà máy Pin Hà Nội
Tháng 12 năm 1989	Đổi tên thành Xí nghiệp liên hiệp Pin Hà Nội
Tháng 1 năm 1996	Đổi tên thành Công ty Pin Hà Nội
Tháng 01 năm 2004	Công ty cổ phần Pin Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: Giấy phép kinh doanh số 103003444 do sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 02/01/2004 với mức vốn điều lệ ban đầu là 14 tỷ đồng.
Tháng 10 năm 2008	Tăng vốn điều lệ từ 14 tỷ lên 19 tỷ 740 triệu bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu và trở thành công ty đại chúng.
Tháng 11 năm 2010	Lễ ký kết hợp tác chiến lược giữa Công ty cổ phần Pin Hà Nội và tập đoàn pin Quốc tế GP. Tập đoàn Pin GP chính thức là cổ đông lớn của công ty thông qua GP Batteries International Ltd.
Tháng 3 năm 2011	Tăng vốn điều lệ từ 19 tỷ 740 triệu lên 34 tỷ 545 triệu bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược
Tháng 3 năm 2011	Thành lập công ty con là Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội (Công ty cổ phần Pin Hà nội góp 100% vốn) tại N3 khu C khu Công nghiệp Hòa Mạc thị trấn Hòa Mạc huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam
Tháng 11 năm 2011	Sau khi có sự tham gia góp vốn của GP Batteries International Ltd. thuộc tập đoàn Pin Quốc tế GP trong vai trò là cổ đông chiến lược (nắm giữ 30% cổ phần). Công ty đã tiếp cận được thị trường xuất khẩu rộng lớn của tập đoàn Pin Quốc tế GP. Hiện tại doanh thu xuất khẩu vào thị trường Ấn

	độ và Brazin đã chiếm khoảng 30% tổng doanh thu của Công ty
Năm 2012	Sản phẩm Pin Con thỏ liên tục được tặng Huy chương vàng tại Hội chợ triển lãm Quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam; Sản phẩm Pin Con thỏ được Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng bình chọn trong top 100 sản phẩm uy tín chất lượng;
Năm 2013	Sản phẩm Pin Con thỏ đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao.
Tháng 10 năm 2015	Tăng vốn điều lệ từ 34.545.000.000 lên 51.814.430.000 đồng. Chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.
Tháng 10 năm 2016	Cổ phiếu Công ty cổ phần Pin Hà Nội được chấp thuận lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
Tháng 12 năm 2017	Tăng vốn điều lệ từ 51.814.430.000 đồng lên 72.539.110.000 đồng Chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.
Hiện nay	Công ty đang hoạt động theo đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 1 năm 2004, sửa đổi lần 10 ngày 30 tháng 1 năm 2018 với Vốn điều lệ là 72.539.110.000 đồng.

Hiện tại công ty đang sở hữu những công nghệ và thiết bị tiên tiến như:

- Công nghệ sản xuất pin bằng giấy tấm hồ không thủy ngân không cadimi;
- Công nghệ sản xuất pin kiềm;
- Công nghệ sản xuất giấy tấm hồ;
- 02 Dây chuyền sản xuất pin R6 công suất 600cái/phút tự động hóa;
- 01 Dây chuyền sản xuất pin R03 công suất 380cái/phút bán tự động;
- Hệ thống nấu cán kẽm dập đồng xu tiên tiến;
- Các thiết bị phụ trợ đồng bộ cho năng lực sản xuất đạt trên 500 triệu sản phẩm /năm;
- Dự kiến cuối năm 2018, công ty sẽ hoàn thành việc đầu tư 01 dây chuyền pin đơn R03 công suất 600 cái/phút tự động hóa.

Mặt bằng nhà xưởng thường xuyên được bảo trì và nâng cấp. Hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước và hệ thống xử lý nước thải đồng bộ, ổn định cho phát triển lâu dài.

Hệ thống tiêu thụ sản phẩm của Công ty không ngừng được mở rộng. Hiện nay mạng lưới đại lý tiêu thụ sản phẩm nằm rải rác khắp ba miền Bắc – Trung – Nam. Thị phần pin Con Thỏ chiếm khoảng 40% thị phần nội địa, góp phần làm ổn định thị trường, cung cấp

cho người tiêu dùng Việt Nam những sản phẩm pin đạt chất lượng ổn định và thân thiện với môi trường.

1.3. Quá trình tăng vốn

Từ khi chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần đến nay, Công ty cổ phần Pin Hà Nội trải qua 04 đợt tăng vốn, chi tiết như sau:

1.3.1. Tăng vốn đợt 01 ngày 14/10/2008

Vốn điều lệ trước khi phát hành: 14.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ sau khi phát hành: 19.740.000.000 đồng

Hình thức phát hành: trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Mục đích phát hành: Đầu tư dây chuyền sản xuất pin và bổ sung vốn lưu động

Cơ quan chấp thuận mỗi lần phát hành cổ phiếu để tăng vốn: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Thời gian hạn chế chuyển nhượng: không có

Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu

Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 29/03/2008.
- Công văn số: 1965/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 30/09/2008
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 cấp ngày 02/01/2004 đăng ký thay đổi lần 03 ngày 1/10/2008

Chi tiết đợt phát hành:

- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 14/10/2008
- Tỷ lệ phát hành: 41%
- Số lượng phát hành: 574.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 441 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 441 cổ đông
- Nguồn phát hành: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2007

1.3.2. Tăng vốn đợt 02 ngày 21/03/2011

Vốn điều lệ trước khi phát hành: 19.740.000.000 đồng

Vốn điều lệ sau khi phát hành: 34.545.000.000 đồng

Hình thức phát hành: phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ

Cơ quan chấp thuận mỗi lần phát hành cổ phiếu để tăng vốn: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 1 năm đối với đối tượng phát hành riêng lẻ

Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu, đối tác chiến lược

Mục đích phát hành: Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng, bổ sung vốn lưu động

Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 01/2010/NG-ĐHCD ngày 19/06/2010 & NQ ĐHĐCĐ bất thường ngày 19/11/2010
- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 21/GCN-UBCK ngày 16/02/2011 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 cấp ngày 02/01/2004 đăng ký thay đổi lần 05 ngày 25/04/2011

a. Phát hành cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng phát hành: 444.150 cổ phiếu
- Tỷ lệ phát hành: 100:22,5
- Ngày bắt đầu phát: 21/3/2011
- Số lượng cổ đông được quyền mua: 417 cổ đông
- Số lượng cổ đông tham gia: 417 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 417 cổ đông
- Giá phát hành: 28.500 đồng/cổ phiếu
- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 21/03/2011

b. Phát hành riêng lẻ

- Số lượng chào bán: 1.036.350 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông tham gia: 01
- Giá phát hành: 28.500 đồng/cổ phiếu
- Ngày bắt đầu phát hành: 21/03/2011
- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 21/03/2011
- Số lượng phát hành: 1.036.350 cổ phiếu
- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng: Từ 21/03/2011 đến 21/03/2012

1.3.3. Tăng vốn đợt 03 ngày 01/10/2015

Vốn điều lệ trước khi phát hành: 34.545.000.000 đồng

Vốn điều lệ sau khi phát hành: 51.814.430.000 đồng

Hình thức phát hành: thường cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Mục đích phát hành: Bổ sung vốn cho HĐSXKD và chuẩn bị nguồn vốn cho việc đầu tư Nhà máy mới.

Cơ quan chấp thuận mỗi lần phát hành cổ phiếu để tăng vốn: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Thời gian hạn chế chuyển nhượng: không có

Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu

Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHCD ngày 27/06/2015.
- Công văn số: 5363/UBCK-QLPH ngày 24/08/2015 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 cấp ngày 02/01/2004 đăng ký thay đổi lần 09 ngày 18/11/2015

Chi tiết đợt phát hành:

- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 01/10/2015
- Tỷ lệ phát hành: 10:05
- Số lượng phát hành: 1.726.943 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 311 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 311 cổ đông
- Nguồn phát hành: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014

1.3.4. Tăng vốn đợt 04 ngày 15/12/2017

Vốn điều lệ trước khi phát hành: 51.814.430.000 đồng

Vốn điều lệ sau khi phát hành: 72.539.110.000 đồng

Hình thức phát hành: thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Cơ quan chấp thuận mỗi lần phát hành cổ phiếu để tăng vốn: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Thời gian hạn chế chuyển nhượng: không có

Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu

Mục đích phát hành: tăng vốn hoạt động

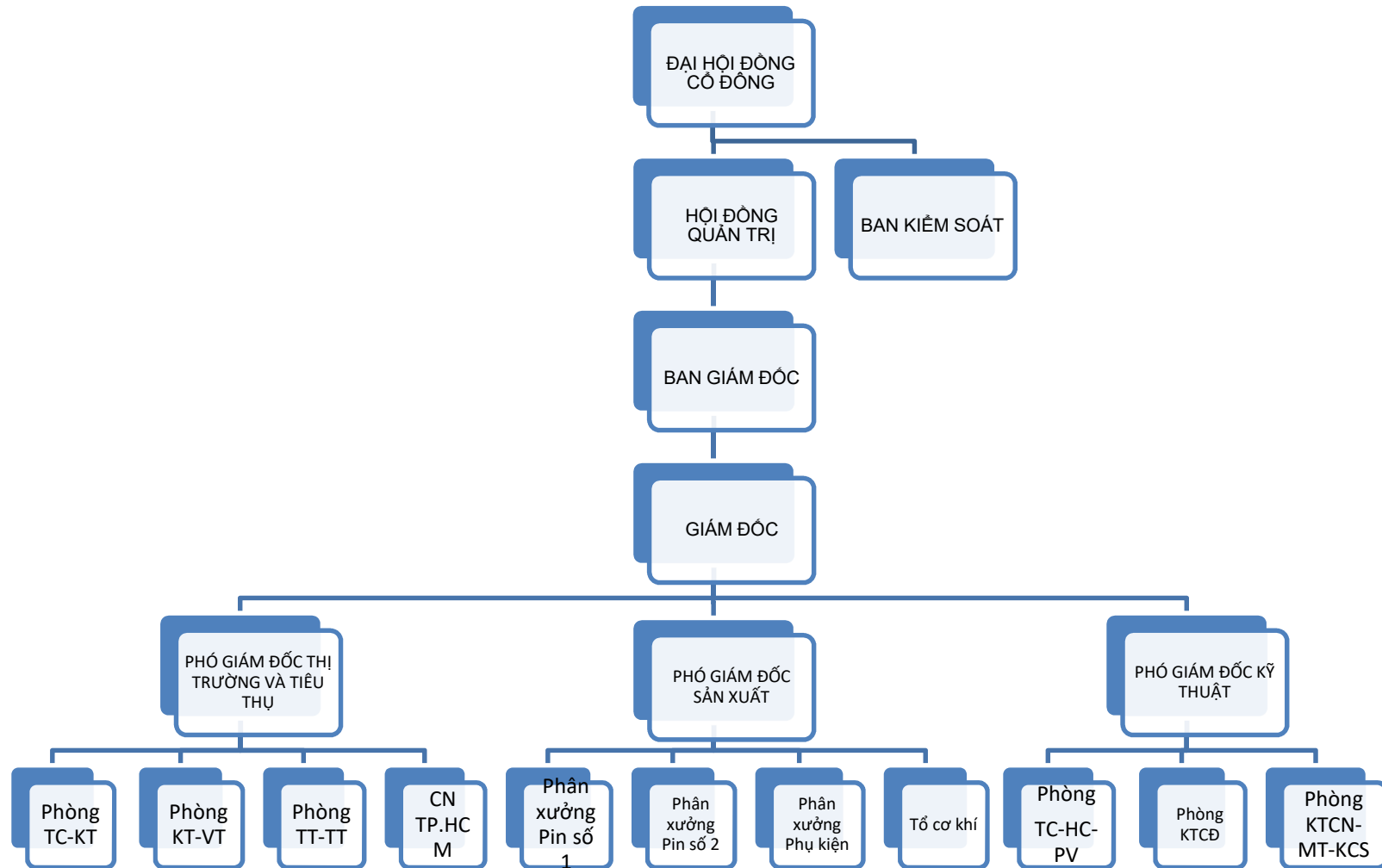
Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2017/NQ-ĐHCD ngày 31/05/2017
- Công văn ngày 01/12/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước (*Công văn được đăng tải tại website của Ủy ban chứng khoán Nhà nước*)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 cấp ngày 02/01/2004 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 30/01/2018

Chi tiết đợt phát hành:

- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 15/12/2017
- Số lượng phát hành: 2.072.468 cổ phần
- Tỷ lệ phát hành: 10:04
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 298 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 298 cổ đông
- Nguồn phát hành: thặng dư vốn cổ phần năm 2016

2. Cơ cấu tổ chức công ty**2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy của Công ty**



2.2. Diễn giải

2.2.1. Đại hội cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập trong các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp hiện hành.

2.2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Pin Hà Nội gồm có những thành viên sau

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông. Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông. Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên HĐQT
3.	Ông. Nguyễn Cao Sơn	Ủy viên HĐQT
4.	Ông. Võ Khánh Toàn	Ủy viên HĐQT
5.	Ông. Nguyễn Thanh Quang	Ủy viên HĐQT
6.	Bà. Quek Guet Nghoh	Ủy viên HĐQT
7.	Ông Qiu Ruixiang	Ủy viên HĐQT

2.2.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bà Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng BKS
2.	Ông Nguyễn Thanh Đức	Thành viên BKS
3.	Ông Huỳnh Tín Đình	Thành viên BKS

2.2.4. Ban giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và các phó giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Ban Giám đốc Công ty bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Phạm Văn Nghĩa	Giám Đốc
2.	Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó Giám Đốc
3.	Ông Nguyễn Tiến Triển	Phó Giám Đốc
4.	Ông Nguyễn Cao Sơn	Phó Giám Đốc

2.2.5. Phòng Tổ chức Hành chính và Phục vụ (TC-HC-PV)

a. Nhiệm vụ về tổ chức:

- Tham mưu cho lãnh đạo về tổ chức bộ máy quản lý của công ty, quy hoạch cán bộ, thực hiện công tác tuyển dụng lao động mới;
- Quản lý nhân sự và hồ sơ CBCNV, tổng hợp, phân loại, đánh giá chất lượng lao động;
- Thực hiện giải quyết chính sách chế độ Bảo hiểm xã hội;
- Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý và kiến thức chuyên môn, nghề nghiệp cho CBCNV;
- Tổ chức công tác nâng cấp, nâng bậc lương hàng năm cho CBCNV toàn công ty;
- Là thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng và hội đồng kỷ luật của Công ty. Kiểm tra các tổ chức và cá nhân về việc chấp hành kỷ luật lao động theo nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy định của giám đốc về bảo vệ, bảo mật, phòng chống cháy nổ, an toàn cơ quan xí nghiệp.

b. Nhiệm vụ về hành chính:

- Quản lý đồ dùng văn phòng, nhà hành chính của toàn Công ty;
- Quản lý con dấu, thiết bị văn phòng, nghiệp vụ văn thư lưu trữ.

c. Nhiệm vụ bảo vệ:

- Tuần tra, canh gác, bảo vệ toàn bộ tài sản của Công ty;
- Kiểm soát theo dõi hàng hóa ra vào Công ty theo quy định.

d. Nhiệm vụ Y tế:

- Quản lý hồ sơ sức khỏe;
- Chăm sóc sức khỏe ban đầu;
- Trực y tế;
- Bảo hiểm Y tế và các chính sách khác do pháp luật quy định có liên quan đến người lao động: đúng, đủ, chính xác và kịp thời.

e. Nhiệm vụ bếp ăn tập thể:

- Mua và chế biến thực phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Bồi dưỡng chống nóng theo quy định của công ty.

2.2.6. Phòng Kế hoạch – Vật tư (KH-VT)

a) Bộ phận kế hoạch

Kế hoạch kinh doanh:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty dựa trên cơ sở định hướng phát triển của Công ty, các thông tin thu thập từ thị trường, từ khách hàng, và từ năng lực sản xuất;
- Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được cấp trên phê duyệt đến các đơn vị trong Công ty dưới dạng quyết định giao kế hoạch năm của các đơn vị;
- Trên cơ sở dự báo tiêu thụ của thị trường, căn cứ vào kế hoạch năm, lập kế hoạch sản xuất tháng cho các phân xưởng;
- Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất cũng như các kế hoạch khác đối với phân xưởng sản xuất và các phòng ban liên quan;
- Cập nhật, đối chiếu với thực tế, lập báo cáo thống kê định kỳ theo biểu mẫu đúng thời gian quy định của các cơ quan Nhà nước;
- Tổng hợp kết quả sản xuất hàng ngày theo tác nghiệp sản xuất để báo cáo lãnh

đạo Công ty;

- Phối hợp với các phòng KTCN-MT-KCS, KTCD, TT-TT và các phân xưởng kiểm kê sản phẩm tồn kho, bán thành phẩm, phụ kiện, vật tư tại kho cũng như tại các phân xưởng sản xuất;
- Tổng hợp số liệu báo cáo lãnh đạo theo chu kỳ báo cáo. Tham mưu cho lãnh đạo các phương án tối ưu về tổ chức sản xuất, các biện pháp sử dụng hiệu quả nguồn lực.

Công tác lao động tiền lương:

- Xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương của Công ty;
- Xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương cho sản xuất và cơ chế thanh toán tiền lương đối với quản lý và các đơn vị phục vụ;
- Chỉ đạo và kiểm tra Công tác tổ chức lao động ở các phân xưởng, phòng ban. Tổng hợp, phân tích sử dụng lao động các đơn vị và toàn Công ty theo tháng, quý, năm;
- Duyệt thanh toán tiền lương hàng tháng cho các đơn vị trong Công ty và giải quyết các phát sinh khác trong quá trình tổ chức thực hiện;
- Điều phối lực lượng lao động trực tiếp, phục vụ sản xuất trong Công ty đảm bảo hợp lý để phát huy khả năng lao động.

Chính sách chế độ:

- Cụ thể hóa, ban hành các quy định chính sách chế độ mới để áp dụng thực hiện trong Công ty;
- Vận dụng xây dựng để ban hành các chế độ đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình làm việc;
- Lập kế hoạch hàng năm về Công tác BHLĐ, bồi dưỡng bằng hiện vật và tổ chức thực hiện.

Quyết toán chi phí sản xuất:

- Xây dựng định mức tiêu hao vật tư, nguyên, nhiên vật liệu cho mỗi loại sản phẩm của Công ty;
- Thường xuyên theo dõi, xử lý, điều chỉnh kịp thời những diễn biến về chi phí sản

xuất cũng như khi có thay đổi về Công nghệ sản xuất hoặc đầu tư mới;

- Quyết toán chi phí sản xuất hàng tháng, quý, năm với các đơn vị cũng như Công ty.

b) Bộ phận vật tư

Chức năng mua vật tư:

- Xác định nhu cầu vật tư cho sản xuất và lập kế hoạch mua vật tư hàng năm, quý, tháng;
- Tổ chức thực hiện thu thập thông tin về các nhà cung ứng vật tư, đánh giá, phân tích và tham mưu cho Giám đốc để lựa chọn và phê duyệt nhà cung ứng;
- Hoàn thiện hồ sơ nhà cung ứng, lập các đơn hàng, soạn thảo các hợp đồng mua bán vật tư trình Giám đốc ký và tổ chức thực hiện các hợp đồng đã ký;
- Chịu trách nhiệm trước giám đốc việc mua và giá mua các vật tư không có hợp đồng.

Bán nguyên vật liệu:

- Bán nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc, phế liệu theo quy định của Công ty.

Quản lý vật tư:

- Tổ chức tiếp nhận vật tư và đảm bảo đủ số lượng, đúng về chủng loại và chất lượng, kịp thời cho sản xuất;
- Sắp xếp, bảo quản vật tư khoa học, theo đúng quy trình bảo quản sản phẩm phù hợp với tính năng của từng loại vật tư, tránh tổn thất, hư hao, suy giảm chất lượng, thuận tiện cho việc giao nhận;
- Tổ chức thực hiện nghiêm túc nội quy kho tàng, đặc biệt chú ý đến trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa các nguy cơ cháy nổ và thiên tai;
- Tổ chức cấp phát vật tư theo định mức, theo phiếu xuất kho cho các đơn vị trong Công ty và thường xuyên kiểm tra việc sử dụng những vật tư đã cấp;
- Thực hiện hạch toán vật tư và báo cáo tình hình xuất nhập tồn theo quy định của Công ty;
- Theo dõi thường xuyên tình hình dự trữ vật tư và có các biện pháp kịp thời, cụ thể đảm bảo mức dự trữ vật tư hợp lý nhất;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản pháp quy về Công tác quản lý vật tư;
- Triển khai nghiệp vụ xuất nhập khẩu: Trực tiếp tiến hành các thủ tục hải quan (bao gồm cả việc xác nhận xuất xứ hàng hóa hóa và khai báo hóa chất) liên quan đến xuất khẩu sản phẩm, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị ...

2.2.7. Phòng Kỹ thuật Công nghệ - Môi trường – Kiểm tra chất lượng sản phẩm (KTCN-MT-KCS)

a) Công nghệ sản xuất:

- Xây dựng quy trình Công nghệ, các hướng dẫn thực hiện Công nghệ để chế tạo sản phẩm và các phụ kiện, các quy định về bảo quản và an toàn hóa chất. Xây dựng các hướng dẫn kiểm tra vật tư, nguyên liệu đầu vào;
- Nghiên cứu cải tiến Công nghệ nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành, thiết kế cải tiến nhãn mác bao bì;
- Xây dựng, soát xét tiêu chuẩn cơ sở cho tất cả các nguyên vật liệu, bán thành phẩm, sản phẩm của Công ty;
- Nguyên cứu, xây dựng quy trình, phát triển sản phẩm mới theo yêu cầu của từng giai đoạn phát triển của Công ty.

b) Giám sát chất lượng:

- Kiểm tra vật tư đầu vào theo quy trình và tiêu chuẩn đã ban hành;
- Chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất của tất cả các công đoạn sản xuất thành phẩm, bán thành phẩm của Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các quy trình công nghệ, hướng dẫn công nghệ của tất cả các công đoạn sản xuất trong toàn Công ty;
- Kiểm tra sản phẩm trước khi xuất xưởng, nhập kho theo quy trình;
- Đề suất xử lý sản phẩm không phù hợp do khách hàng đổi trả. Báo cáo tổng hợp số lượng, thống kê các dạng lỗi pin do khách hàng đổi trả hàng tháng, quý, năm;
- Phóng điện thử nghiệm pin các loại theo các chế độ kiểm tra đã quy định.

c) Báo cáo xuất hàng

- Thu thập dữ liệu xây dựng báo cáo chứng nhận chất lượng pin đơn đạt tiêu chuẩn pin xuất khẩu;

- Xây dựng báo cáo tổng hợp trước khi xuất hàng đối với tất cả các lô pin xuất khẩu.

d) Thư ký ISO

- Nhiệm vụ được quy định cụ thể trong sổ tay chất lượng của Công ty.

e) Quản lý dụng cụ đo

- Lập danh mục và quản lý dụng cụ đo các loại đang sử dụng trong toàn công ty;
- Xây dựng kế hoạch hiệu chuẩn nội bộ, hiệu chuẩn bên ngoài cho từng năm;
- Thực hiện việc hiệu chuẩn nội bộ đúng thời gian, đúng phương pháp đối với từng loại thiết bị theo kế hoạch đã được phê duyệt.

f) Quản lý mã số mã vạch:

- Thay mặt Công ty tham gia vào “Hội khoa học kỹ thuật Mã số Mã vạch Việt Nam”. Xây dựng và quản lý hệ thống mã số, mã vạch cho các sản phẩm, các loại bao gói (ví, hộp, thùng) cho in các mã vạch theo nhu cầu của thị trường.

g) Môi trường:

- Lập kế hoạch và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường;
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường của các đơn vị thuộc Công ty cũng như các đơn vị thuê mặt bằng của Công ty;
- Đề xuất các biện pháp để đảm bảo môi trường vệ sinh Công nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh Luật môi trường;
- Thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2.2.8. Phòng Kỹ thuật Cơ điện (KTCD)

Công tác quản lý Cơ – Điện bao gồm:

- Thiết lập và quản lý toàn bộ hồ sơ, lý lịch máy móc thiết bị Cơ – Điện – Nước và các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, các thông số kỹ thuật cơ bản, các bản vẽ Cơ và Điện, các nội quy, quy trình, hướng dẫn vận hành và quy trình sửa chữa thiết bị định kỳ của Công ty;
- Hoàn thiện các tài liệu, bổ sung, hiệu đính phù hợp với tình hình thực tế hiện có của Công ty.

Công tác quản lý:

- Chỉ đạo các đơn vị lập kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ, trên cơ sở đó lập kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa cho toàn Công ty (Dự trù phụ tùng thay thế hoặc chế tạo mới);
- Cùng với các Phân xưởng lập các biên bản sự cố lớn và nghiêm trọng, đánh giá và tìm giải pháp khắc phục nhanh chóng, hiệu quả;
- Thường xuyên giám sát và kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc thiết bị, để kịp thời có giải pháp cụ thể, nhằm đảm bảo thiết bị vận hành một cách an toàn;
- Chủ trì các thủ tục về nghiệm thu thiết bị, bao gồm: thiết bị mới bàn giao, thiết bị sau bảo dưỡng-sửa chữa. Lập hồ sơ đánh giá thiết bị cần thanh lý.

Quản lý chỉ đạo thực hiện bảo dưỡng sửa chữa định kỳ:

- Trên cơ sở kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ của Công ty – Phòng Kỹ Thuật Cơ Điện đặt chế tạo hoặc đặt mua những phụ tùng phục vụ cho Công tác bảo dưỡng sửa chữa và Công ty không chế tạo được;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, số lượng, chủng loại và thời gian đối với những phụ tùng chế tạo và gia công bên ngoài.

Tham mưu cho Giám đốc:

- Đổi mới trang thiết bị, hiện đại hóa, tăng năng suất;
- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

Công tác nghiên cứu và cải tiến:

- Thực hiện và tăng cường Công tác nghiên cứu cải tiến hợp lý hóa;
- Thực hiện Công tác đào tạo thường xuyên về vận hành thiết bị.

Quản lý, thực hiện, kiểm tra giám sát Công tác an toàn:

- Quản lý các tài liệu về an toàn thiết bị, đào tạo an toàn cho người lao động ... làm Công tác an toàn chuyên trách cho Giám đốc Công ty theo đúng pháp luật của Nhà nước;
- Tổ Điện hơi nước trực thuộc phòng Kỹ thuật Cơ điện có trách nhiệm vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện, hơi, nước trong công ty; Khai thác, sản xuất

nước sạch phục vụ cho nhu cầu sản xuất và cung cấp cho khu Tập thể. Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

2.2.9. Phòng Thị trường tiêu thụ (TT-TT)

2.2.9.1. Công tác tiêu thụ sản phẩm:

- Tiêu thụ sản phẩm của Công ty tại thị trường nội địa và xuất khẩu sang các nước khu vực ...;
- Chăm sóc, hỗ trợ đại lý;
- Thu thập các thông tin về giá bán, chính sách bán hàng... của các đối thủ cạnh tranh;
- Thu thập các khiếu nại của khách hàng;
- Giải quyết các khiếu nại theo quyền hạn được giao và đề xuất giải quyết các khiếu nại lên cấp trên khi vượt quá thẩm quyền được giao;
- Đảm bảo công nợ của các khách hàng, đúng theo quy định hiện hành của công ty.

2.2.9.2. Công tác duy trì, ổn định và phát triển thị trường (Marketing):

- Thường xuyên cập nhật giá bán, chính sách bán hàng ... của các đối thủ cạnh tranh, so sánh với giá bán, chính sách bán hàng của pin con Thỏ;
- Tham mưu cho lãnh đạo công ty, về chính sách bán hàng từng vùng, từng thời điểm, để lãnh đạo công ty ban hành chính sách phù hợp, giúp ổn định thị trường pin mang nhãn hiệu con Thỏ;
- Quảng bá thương hiệu: Xây dựng và trực tiếp triển khai các chương trình giới thiệu, khuyến trương thương hiệu Pin Con Thỏ tại các vùng miền trong nước và các nước Lào, Campuchia ...;
- Tham gia các kỳ hội chợ trên toàn quốc;
- Lập kế hoạch năm các hội chợ công ty tham gia, trình Giám đốc phê duyệt. Trực tiếp tổ chức, tham gia các kỳ hội chợ;
- Thị trường trong nước: Phát triển thêm đại lý tiêu thụ pin con Thỏ, tại các thị trường cạnh tranh và thị trường chưa có pin mang nhãn hiệu con Thỏ;
- Thị trường ngoài nước: Phát triển thêm đại lý tiêu thụ pin con Thỏ tại các nước khu vực như CHDCND Lào, Campuchia, Myanmar ...

2.2.9.3. Công tác quản lý và phục vụ:

Công tác quản lý:

- Xây dựng chính sách bán hàng, trình giám đốc phê duyệt;
- Xây dựng mạng lưới bán hàng theo hệ thống đại lý bao tiêu;
- Xây dựng kế hoạch tiêu thụ năm, tháng;
- Quản lý và điều hành toàn bộ công tác bán hàng và phục vụ bán hàng.

Kho thành phẩm và tổ bốc vác:

- Xuất hàng bán cho đại lý (Khách hàng);
- Thực hiện theo đúng nghiệp vụ quản lý kho hàng
- Thực hiện theo quy trình bảo toàn sản phẩm của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000.

Đội xe:

- Phục vụ đưa đón lãnh đạo, đưa đón khách và các yêu cầu của Công ty. (Xe con)
- Phục vụ vận chuyển hàng của đại lý (Khách hàng) trên toàn quốc. (Xe tải)

2.2.9.4. Phòng Tài chính Kế toán (TC-KT)

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và Nhà nước theo những quy định của Luật Kế toán về mọi hoạt động tài chính kế toán của Công ty;
- Theo dõi và tập hợp số liệu về kết quả sản xuất – Kinh doanh bằng nghiệp vụ kế toán. Tham gia phân tích kết quả sản xuất – Kinh doanh của Công ty theo từng kỳ tài chính. Đề xuất các giải pháp kinh tế - kỹ thuật phù hợp với chính sách kinh doanh của Công ty;
- Xác lập tính hiệu quả của hệ thống tài chính Công ty. Chỉ đạo cán bộ nhân viên phòng kế toán theo đúng Chuẩn mực kế toán Việt Nam và yêu cầu quản lý của Công ty, bảo đảm tính trung thực, chính xác, kịp thời của số liệu kế toán;
- Theo dõi và đề xuất các biện pháp kế toán trong các nghiệp vụ có liên quan đến hợp đồng mua vật tư, bán sản phẩm của Công ty;
- Tính toán trích nộp đúng quy định các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước, các loại thuế và bảo hiểm cho người lao động;
- Theo dõi công nợ và thanh toán đúng quy định các khoản tiền vay, các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Công ty cũng như đối với các đối tác kinh doanh bên ngoài;
- Theo dõi trích nộp các quỹ tài chính sử dụng trong Công ty theo đúng chế độ tài chính hiện hành và theo nghị quyết đại hội cổ đông thường kỳ;

- Lập và gửi báo cáo đúng hạn các loại văn bản tài chính, thống kê, quyết toán theo chế độ hiện hành cho các cơ quan quản lý Nhà nước và cấp trên;
- Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu, hồ sơ chứng từ kế toán theo đúng chế độ kế toán do Nhà nước ban hành. Đảm bảo bí mật tuyệt đối các tài liệu, hồ sơ chứng từ và số liệu kế toán.

2.2.10. Các phân xưởng sản xuất

Quản lý sản xuất:

- Các PX sản xuất và cung ứng đầy đủ, kịp thời, đúng chủng loại, đúng chất lượng các bán thành phẩm, các thành phẩm theo kế hoạch của Công ty;
- Tổ cơ khí chế tạo phụ tùng cơ khí theo đơn đặt hàng của các đơn vị và các sản phẩm cơ khí mới khi được Công ty giao, đáp ứng kịp thời về thời gian, về số lượng và chất lượng.

Về quản lý:

- Quản lý con người: Sử dụng số lao động được giao một cách có hiệu quả. Thực hiện nghiêm túc các quy chế, các quy trình, các hướng dẫn của Công ty. Thực hiện đúng nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể đối với người lao động. Lập bảng lương và các khoản có tính chất lương cho CBCNV của phân xưởng theo đúng chế độ và quy định của Công ty.
- Quản lý thiết bị: Quản lý, sử dụng có hiệu quả hệ thống thiết bị, thực hiện nghiêm túc các quy trình bảo dưỡng thiết bị định kỳ, quy trình sửa chữa thiết bị khi có sự cố, chấp hành tốt các hướng dẫn vận hành MMTB, giữ gìn MMTB luôn ở tình trạng tốt sẵn sàng vận hành phục vụ cho sản xuất, thực hiện các biện pháp về quản lý và kỹ thuật để nâng cao tuổi thọ của khuôn mẫu và MMTB.
- Quản lý vật tư: Cập nhật số liệu về vật tư, bán sản phẩm, sản phẩm xuất nhập của xưởng một cách đầy đủ và chính xác. Sử dụng, bảo quản vật tư và các bán thành phẩm, thành phẩm trong phân xưởng một cách hợp lý, tiết kiệm và an toàn. Tổ chức kiểm kê vật tư, bán thành phẩm, thành phẩm theo quy định. Báo cáo các số liệu nhập xuất tồn đã đối chiếu trước ngày 05 tháng sau. Cùng với phòng kế hoạch phân tích tình hình sử dụng vật tư trong tháng, báo cáo giám đốc trước ngày 13 tháng sau.
- Quản lý chất lượng sản phẩm: Triệt để chấp hành các quy trình, các quá trình,

hướng dẫn trong hệ thống ISO 9001:2015. Quản lý Công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy trong phạm vi đơn vị phụ trách quản lý vệ sinh môi trường trong và xung quanh khu vực xưởng.

- Về tiết kiệm: Có biện pháp và thường xuyên thực hiện để: “Tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, điện và nước. Tiết kiệm giảm các chi phí bảo dưỡng sửa chữa. Phấn đấu tiết kiệm các chi phí được giao.”
- Về Công tác sáng kiến: Tổ chức và thực hiện phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc của người lao động.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các qui định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ);

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 28 tháng 9 năm 2018

STT	Cổ đông	CMTND/ ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Phạm Văn Nghĩa	011741425	364.350	5,02
2	Tập đoàn hóa chất Việt Nam	0100100061	1.523.433	21
3	GP Batteries International Limited	199002111N	2.176.333	30

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt tại ngày 28 tháng 9 năm 2018)

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Công ty cổ phần Pin Hà Nội là doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa năm 2004 nên không có cổ đông sáng lập.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 28 tháng 9 năm 2018

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	297	5,077,578	69,99
	- Cá nhân	295	3,548,881	48,92
	- Tổ chức	2	1,528,697	21,07
2	Cổ đông nước ngoài	1	2,176,333	30
	- Cá nhân	-	-	-
	- Tổ chức	1	2,176,333	30
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng		298	7.253.911	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt tại ngày 28 tháng 9 năm 2018

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, gồm: tên, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ đã đăng ký, vốn điều lệ thực góp; vốn đăng ký/vốn thực góp của tổ chức ĐKNY, tỷ lệ nắm giữ của TĐKNY...

4.1. Danh sách công ty mẹ: Không có

4.2. Danh sách công ty con: Không có

4.3. Danh sách công ty liên kết

Tên Công ty: Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0700761514 do Sở KHĐT tỉnh Hà Nam cấp ngày 8 tháng 12 năm 2015.

Địa chỉ: Đường N3 Khu C Khu Công nghiệp Hòa Mạc, thị trấn Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226 355 3328 Fax: 0226 355 3329

Vốn điều lệ đăng ký: 90 tỷ đồng

Vốn điều lệ thực góp: 90 tỷ đồng

Vốn đầu tư của Công ty cổ phần Pin Hà Nội: 27 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 30%

Ngành nghề kinh doanh:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
2720 (chính)	Sản xuất pin và ắc quy
8299	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

- a. Sản xuất kinh doanh pin là hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Các sản phẩm thành phẩm của Công ty bao gồm các loại pin. Nhờ công nghệ sản xuất pin tiên tiến so với các công ty khác trong nước, Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đang sản xuất và đưa ra thị trường nhiều sản phẩm pin với kích cỡ và chủng loại khác nhau. Bề dày phát triển lâu năm của Công ty và chất lượng sản phẩm đã được khẳng định trên thị trường. Các loại sản phẩm pin của Công ty được sử dụng rộng rãi ở trong nước, đặc biệt là các thị trường: thị trường đồng bằng duyên hải Bắc Bộ, thị trường miền núi Tây Bắc, thị trường miền núi Đông Bắc, các tỉnh Trung Bộ, Tây Nguyên, miền Nam, Lào và Campuchia. Đối với thị trường trong nước, thị trường Pin Con Thỏ chiếm khoảng 40% thị phần. Tỷ lệ xuất khẩu hiện tại chiếm 30% tổng doanh thu của Công ty chủ yếu thông qua việc xuất khẩu cho tập đoàn pin quốc tế GP vào thị trường Ấn Độ và Brazil.

Sản phẩm chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Pin đại R20
- Pin tiểu R6
- Pin đũa R03
- Pin trung R14
- Pin cối R40
- Pin tổ hợp BTO - 45V

- Pin tổ hợp PO2 - 27V

Hình ảnh về sản phẩm của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội

Pin R20 (Size D)



Pin R14 (Size C)



Pin R6 (Size AA)



Pin R03 (Size AAA)





b. Phế liệu

Phế liệu thu hồi tạo ra trong quá trình sản xuất gồm:

- Bột kẽm hàm lượng thấp thu hồi trong quá trình sản xuất ống kẽm;
- Giấy bìa carton thu hồi từ bao bì chứa nguyên liệu vật liệu;
- Sắt thép phế liệu thu hồi trong quá trình sửa chữa máy móc thiết bị, thay thế phụ tùng, chế tạo phụ tùng khuôn mẫu;
- Phôi đồng, bạc đồng thu hồi trong quá trình chế tạo, thay thế bạc đồng.

Đối với bột kẽm thu hồi, Công ty thường bán cho công ty sản xuất nước muối kẽm (một nguyên liệu cho quá trình sản xuất pin) trên cơ sở đàm phán để có được giá cả phù hợp qua đó cung cấp nước muối kẽm thành phẩm cho Công ty với giá bán hợp lý.

Đối với các phế liệu khác, công ty sử dụng phương thức chào giá cạnh tranh hoặc đấu giá để bán nhằm tối đa hóa lợi ích cho Công ty.

c. Cung cấp dịch vụ

Ngoài hoạt động SXKD Pin và nguồn doanh thu từ phế liệu thu hồi, Công ty Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu từ việc cho thuê nhà xưởng, trạm biến áp điện. Quy hoạch lại mặt bằng sản xuất, qua đó khai thác cho thuê các diện tích nhà xưởng, kho bãi, năng lực dôi dư của trạm biến áp nhằm tạo thêm nguồn thu nhập cho Công ty.

Đối tượng cho thuê được ưu tiên cho các đơn vị có quan hệ cung cấp vật tư, nguyên liệu, phụ tùng, công cụ dụng cụ cho quá trình SXKD của Công ty.

6.1.1. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận qua các năm

Cơ cấu doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm năm 2016, 2017, 9 tháng năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		% tăng giảm 2016 so với 2017	9 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng/DT T (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)		Giá trị	Tỷ trọng/D TT (%)
1.	Doanh thu thuần bán thành phẩm và hàng hóa	290.514	97,41%	327.908	97,31%	12,87%	255.647	96,96%
1.1	Pin R6	163.238	54,73%	190.724	56,60%	16,84%	154.076	58,44%
1.2	Pin R20	65.317	21,9%	71.344	21,17%	9,23%	45.116	17,11%
1.3	Pin R03	59.234	19,86%	65.154	19,34%	9,99%	56.043	21,26%
1.4	Pin khác	2.725	0,91%	686	0,2%	-74,83%	412	0,16%
2.	Doanh thu thuần bán vật tư, phế liệu	3.063	1,03%	4.500	1,34%	46,91%	4.404	1,67%
3.	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	4.661	1,56%	4.550	1,35%	-2,38%	3.611	1,37%
Tổng Cộng		298.238	100%	336.958	100%	12,98%	263.662	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Pin Hà Nội)

Doanh thu thuần từ bán pin chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu thuần chiếm 97,41% năm 2016 và chiếm 97,31% năm 2017 và chiếm 96,96% trong 9 tháng đầu năm 2018 phản ánh trọng tâm kinh doanh của Công ty tập trung vào sản xuất và tiêu thụ pin. Trong sự ổn định về tỷ trọng của doanh thu thuần tiêu thụ pin có sự thay đổi về tỷ trọng của cơ cấu sản phẩm, cụ thể:

- Doanh thu thuần sản phẩm Pin R6 hiện đang đóng vai trò chủ lực và có tăng trưởng nhẹ do sản phẩm R6 đang ở trong giai đoạn tiệm cận đến đỉnh cao của dòng đời. Xu thế ổn định ở quy mô lớn (có tăng trưởng nhẹ) sẽ được duy trì trong nhiều năm tới.
- Doanh thu thuần sản phẩm R20 có xu thế suy giảm do sự thay đổi về nhu cầu tiêu dùng và sẽ tiếp tục suy giảm với tốc độ nhanh hơn trong những năm tới tại thị trường nội địa. Công ty đang nỗ lực mở rộng phát triển thị trường cho dòng sản phẩm này tại thị trường Lào, Campuchia và một số khu vực khác để bù đắp sự suy giảm tại thị trường nội địa.
- Doanh thu thuần sản phẩm R03 đang có tốc độ tăng trưởng cao với tốc độ tăng trưởng ổn định khoảng gần 10% năm. Đây là xu thế tất yếu của nhu cầu tiêu dùng cả ở thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu và tốc độ tăng trưởng của sản phẩm R03 sẽ bù đắp được sự suy giảm của sản phẩm R20.
- Đối với các loại pin khác, do sản lượng có tỷ trọng rất thấp trong cơ cấu doanh thu thuần nên Công ty không tập trung nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng. Hơn nữa từ năm 2017 Công ty đã ngừng nhập khẩu các loại pin mang thương hiệu GP để tiêu thụ tại thị trường Việt Nam do đó doanh thu thuần của các loại pin khác đã giảm rõ rệt tuy nhiên không tác động nhiều đến tổng doanh thu thuần và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối với doanh thu thuần bán Vật tư, Phế liệu: Cơ bản là ổn định do lượng phế liệu thu hồi trong quá trình sản xuất hàng năm của Công ty là khá ổn định. Ngoài ra Công ty cũng bán một số loại vật tư nguyên liệu sản xuất pin cho một số khách vãng lai có nhu cầu đột xuất. Tuy nhiên mảng kinh doanh nguyên liệu sản xuất pin không phải là mục tiêu trọng tâm của Công ty nên Doanh thu thuần mảng vật tư phế liệu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết cấu doanh thu của Công ty chỉ chiếm 1,03% năm 2016 và 1,34 % năm 2017 và 1,67% trong 9 tháng đầu năm 2018.

Đối với doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ: Đây là nguồn doanh thu thuần từ việc Công ty tận dụng diện tích nhà xưởng và năng lực của hệ thống trạm biến áp để cho thuê lại đối với một số đơn vị hợp tác và liên kết với công ty trong việc sản xuất cung ứng nhãn mác sản phẩm của Công ty và phụ tùng cơ khí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nguồn doanh thu thuần này là khá ổn định và không có đột biến tuy nhiên cũng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty chỉ chiếm 1,56% năm 2016 và 1,35 % năm 2017 và 1,37% trong 9 tháng đầu năm 2018.

Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm 2016, 2017, 9T 2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		% tăng giảm 2016 so với 2017	9 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)		Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)
1.	Lợi nhuận từ bán thành phẩm và hàng hóa	49.258	16,52%	54.937	16,30%	11,53%	38.427	14,57%
1.1	R6	28.024	9,40%	31.391	9,32%	12,01%	23.435	8,89%
1.2	R20	10.750	3,60%	12.469	3,70%	15,99%	6.906	2,62%
1.3	R03	9.703	3,25%	10.983	3,26%	13,19%	8.069	3,06%
1.4	Pin khác	781	0,26%	94	0,03%	-87,96%	17	0,01%
2.	Lợi nhuận từ bán vật tư, phế liệu	532	0,18%	542	0,16%	1,88%	426	0,16%
3.	Lợi nhuận từ cung cấp dịch vụ	3.825	1,28%	3.611	1,07%	-5,59%	2.893	1,1%
	Tổng cộng	53.615	17,98%	59.090	17,54	-	41.746	15,83%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Pin Hà Nội)

Trong cơ cấu lợi nhuận gộp thì lợi nhuận từ sản phẩm chính là sản xuất bán thành phẩm và hàng hóa (sản xuất các loại pin) chiếm tỷ trọng lớn nhất.

Cụ thể là trong năm 2016, 2017 và 9 tháng đầu năm 2018 lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm và hàng hóa lần lượt là 49,258 tỷ, 54,937 tỷ và 38,427 tỷ đồng tương đương với 16,52%; 16,30% và 14,57% trên doanh thu thuần. Tuy nhiên xu hướng lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm của mặt hàng này giảm so với 2017 là do chi phí nguyên liệu chính để sản xuất tăng đến gần 20% trong những tháng đầu năm 2018.

Lợi nhuận gộp từ bán vật tư, phế liệu cũng đóng góp một phần nhỏ trong tổng lợi nhuận của Công ty. Lợi nhuận từ việc bán vật tư, phế liệu trong các năm 2016, 2017 và 9 tháng 2018 lần lượt 532 triệu, 542 triệu và 426 triệu chiếm tỷ trọng 0,18%, 0,16% và 0,16% trên tổng doanh thu thuần. Lợi nhuận từ việc bán vật tư và phế liệu cơ bản là ổn định do lượng phế liệu thu hồi trong quá trình sản xuất hàng năm của Công ty là khá ổn định.

Đối với lợi nhuận thuần từ cung cấp dịch vụ: Đây là nguồn thu từ việc Công ty tận dụng diện tích nhà xưởng và năng lực của hệ thống trạm biến áp để cho thuê lại đối với một số đơn vị hợp tác và liên kết với công ty trong việc sản xuất cung ứng nhãn mác sản phẩm của Công ty và phụ tùng cơ khí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nguồn thu này là khá ổn định và không có đột biến tỷ trọng Lợi nhuận từ nguồn thu này trên tổng lợi nhuận thuần của Công ty là 1,28% năm 2016 và 1,07 % năm 2017 và 1,1% trong 9 tháng đầu năm 2018.

6.1.2. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu

Các loại nguyên vật liệu chính phục vụ trong hoạt động sản xuất pin của Công ty bao gồm: kẽm, mangan điện giải, mangan thiên nhiên, cốc than, muôi acetylene, clorua kẽm, giấy tấm hồ:

Danh sách một số loại nguyên vật liệu chính

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	GIÁ BQ 2016 (đ)	Giá BQ 2017	Tăng giảm 2017/2016
1	Kẽm thỏi	kg	46,814.9	62,132.7	33%
2	Đáy thiếc R6	kg	57,296.1	53,632.0	-6%
3	Đáy thiếc R03	kg	65,630.6	63,146.5	-4%
4	Mũ sắt R20	Cai	20.7	19.8	-4%
5	Cụm mũ sắt vòng găng R03	bộ	33.2	28.9	-13%
8	Vòng găng + Mũ sắt R6TP	bộ	43.5	37.3	-14%
10	Đáy thiếc R20	kg	51,996.5	49,389.2	-5%
11	ZnO	kg	46,059.8	58,643.8	27%
12	ZnCl ₂ tinh thể	kg	24,054.2	30,004.7	25%
13	Zn CL dung dịch	kg	12,420.8	17,342.5	40%
14	Muối Amôn	kg	4,761.6	4,785.6	1%
15	Bột MnO ₂ Cao bằng	kg	5,867.3	5,652.9	-4%
16	MnO ₂ Điện giải	kg	28,228.7	28,724.2	2%
17	Bột Graphit	kg	8,987.7	8,994.1	0%
18	Cọc than R03	kg	45,991.7	44,752.6	-3%
19	Muội Axetylen	kg	39,633.8	36,628.1	-8%
20	Cọc than R20 TQ	kg	18,438.5	17,862.3	-3%
21	Cọc than R6P	kg	25,493.9	24,131.7	-5%
22	Cọc Than R40	kg	22,669.1	23,612.5	4%
23	Nắp nhựa R20 pin keo	cái	30.0	30.0	0%
24	Vòng găng nhựa pin keo R20	Cai	47.4	47.1	-1%
25	Giấy tắm hồ R20	kg	61,260.7	60,419.8	-1%
26	Giấy tắm hồ R6P	kg	61,241.3	61,436.4	0%
27	Giấy tắm hồ R03	kg	62,576.6	61,749.9	-1%
28	Cụm mũ vòng găng pin R20	Cái	289.2	289.2	0%
29	Bát nhựa pin R03	cái	7.3	7.1	-2%
30	Keo làm kín miệng pin	kg	129,086.6	117,477.2	-9%
31	Bát nhựa Pin R6	cái	10.0	9.5	-5%

(Nguồn: Công ty cổ phần Pin Hà Nội)

Danh sách một số nguồn cung cấp nguyên vật liệu chính

TT	Tên nhà cung cấp	Tên nguyên vật liệu	Xuất xứ
1	Công ty Cổ phần Măng gan Cao Bằng	Măng gan thiên nhiên	Việt Nam
2	Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico	Kẽm thỏi	Việt Nam
3	Công ty CP bao bì Lam Sơn	Hộp carton các loại	Việt Nam
4	Công ty TNHH Hoá chất Ngọc Việt	Muối kẽm dung dịch	Việt Nam
5	Công Ty TNHH Trung Phát	Nhãn tốp PVC	Việt Nam
6	Công Ty TNHH Hoá công Quế Lưu Quảng Tây T Q	Măng gan điện giải	Trung Quốc
7	Công ty TNHH XNK TM Văn Nguyên BằngTường TQ	Giấy tấm hồ, cộc than các loại	Trung Quốc
8	Công tyTNHH xuất nhập khẩu Hán Đô Nghi QuảngTây	Bộ cụm mũ pin	Trung Quốc
9	PINGXIANG SHI CHENGTAI TRADING CO.,LTD	Muối amon	Trung Quốc
10	Chi nhánh Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam Tại TPHCM	Muội Acetylen	Thái Lan
11	DENKA SINGAPORE PTE. LTD	Muội Acetylen	Singapore

Nguồn: Công ty cổ phần Pin Hà Nội

Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Với kinh nghiệm lâu năm trong ngành, Công ty đã thiết lập mạng lưới các nhà cung cấp ổn định, lâu dài trong và ngoài nước. Phần lớn các nhà cung cấp nguyên vật liệu hiện tại đã có quan hệ hợp tác với Công ty trên 5 năm.

Ngoài ra, để đảm bảo nguồn cung lâu dài và ổn định, Công ty luôn đảm bảo tiến độ thanh toán theo đúng hợp đồng, giữ vững uy tín đối với các nhà cung cấp.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận.

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá thành sản xuất đối với các sản phẩm của Công ty do vậy sự biến động của giá cả nguyên vật liệu tác động trực tiếp đến giá thành sản xuất và lợi nhuận của Công ty.

Trong thời gian qua, thị trường vật tư nguyên liệu thế giới (liên quan đến nguyên liệu sản xuất pin) có sự biến động lớn từ 6 tháng cuối năm 2017. Trong đó, sự biến động về giá kẽm và 1 số vật tư nhập khẩu từ Trung Quốc với xu thế tăng mạnh đã có ảnh hưởng trực tiếp đối với chi phí sản xuất của công ty. Kẽm thỏi là nguyên liệu chính chiếm khoảng 35-

40% tổng chi phí nguyên vật liệu hiện được mua theo phương thức tham chiếu với giá kèm thời tại thị trường kim loại màu Luân Đôn (LME). Cùng với đó, sự thay đổi chính sách của chính phủ Trung Quốc trong phát triển công nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế nói chung khiến các vật tư nhập khẩu từ Trung quốc đồng loạt tăng giá.

Những yếu tố trên đã đẩy tỷ trọng chi phí nguyên liệu trực tiếp từ 82% giai đoạn 2016-2017 lên 85% tổng giá thành giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018.

Mặc dù chịu tác động không nhỏ từ biến động giá cả vật tư nguyên liệu đầu vào, nhưng với sự quyết tâm nỗ lực chung, Công ty đã đề ra được những biện pháp phù hợp qua đó kiểm soát được chi phí sản xuất, duy trì được quy mô doanh thu và đảm bảo được lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục duy trì chính sách dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để hạn chế tác động của biến động nguyên vật liệu đầu vào tới kết quả hoạt động kinh doanh.

6.1.3. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng chi phí so với doanh thu thuần của Công ty năm 2016, 2017, 9T 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		% tăng giảm 2016 so với 2017	9 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)		Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)
1.	Giá vốn hàng bán	244.624	82,02	277.868	82,46	13,59	221.916	84,17
2.	Chi phí bán hàng	16.182	5,43	15.600	4,63	-3,60	12.111	4,59
3.	Chi phí QLDN	14.274	4,79	15.259	4,54	6,90	10.751	4,08
4.	Chi phí tài chính	2.617	0,88	3.255	0,97	24,38	4.356	1,65
	Tổng cộng	277.697	93,11	311.982	92,59	12,35	249.134	94,49

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Pin Hà Nội)

Trong cơ cấu chi phí của Công ty, chi phí giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu qua các năm, lần lượt chiếm tỷ trọng trên doanh thu thuần là 82,02% và 82,46% trong năm 2016 và 2017 và 84,17% trong 9 tháng đầu năm 2018. Đây là đặc thù của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất. Các chi phí đầu tư nhà xưởng và máy móc khá lớn và phản ánh vào giá vốn hàng bán. Năm 2017 giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao hơn năm 2016 (tăng 13,14% đối với nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất) dẫn đến giá vốn hàng bán tăng. Ngoài ra công ty cũng tăng sản lượng sản xuất nên dẫn đến giá vốn năm 2017 tăng hơn năm 2016 là 13,59%.

Công ty luôn duy trì ổn định các chỉ tiêu chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, không có biến động đột biến bất thường trong cơ cấu chi phí cho thấy sự ổn định trong việc quản lý chi phí của Công ty. Tuy nhiên, chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2017 có tăng một lượng không đáng kể so với năm 2016 là do chính sách đóng Bảo hiểm xã hội cho CBNV có sự thay đổi, các doanh nghiệp đều phát sinh khoản tăng trong việc đóng BHXH.

Chi phí tài chính có biến động tăng nhẹ do biến động về lãi suất ngân hàng và chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Do tính chất linh hoạt của chính sách bán hàng của Doanh nghiệp dẫn đến việc biến động giảm nhẹ về chi phí bán hàng trong năm 2017 so với năm 2016.

6.1.4. Trình độ công nghệ

So với các nhà máy sản xuất pin trong nước, Công ty cổ phần pin Hà Nội có ưu thế về trình độ công nghệ. Tuy nhiên, trình độ công nghệ của công ty chỉ ở mức trung bình so với trình độ sản xuất pin trên thế giới. Các công nghệ thiết bị mà công ty đã và đang sử dụng để sản xuất pin trong các năm qua:

- Công nghệ sản xuất pin bằng giấy tẩm hồ không thủy ngân không cadimi;
- Công nghệ sản xuất pin kiềm;
- Công nghệ sản xuất giấy tẩm hồ;
- 02 Dây chuyền sản xuất pin R6 công suất 600cái/phút tự động hóa;
- 01 Dây chuyền sản xuất pin R03 công suất 380cái/phút bán tự động;
- 02 Dây chuyền sản xuất pin R20 công suất 200 cái/phút;
- Hệ thống nấu cán kẽm dập đồng xu tiên tiến;
- Dây chuyền thành phẩm R6, R03 công suất 500c/p; dây chuyền ép vỉ tự động đáp ứng yêu cầu đặc thù cho pin xuất khẩu;
- Các thiết bị phụ trợ đồng bộ cho năng lực sản xuất đạt trên 500 triệu sản phẩm/năm.

Ngoài ra, để phục vụ cho chiến lược mở rộng thị trường ra nước ngoài, công ty đã đầu tư để mua máy móc, thiết bị mới hiện đại hơn để có thể sản xuất ra những loại pin có

chất lượng tốt và đáp ứng được nhu cầu của thị trường nước ngoài. Các máy móc, thiết bị mới nhập sẽ được khấu hao trung bình khoảng 5-7 năm. Việc áp dụng quy trình công nghệ hiện đại cũng góp phần giảm bớt số lượng lao động, thay vào đó là các máy móc thiết bị hiện đại đã giúp giảm được chi phí sản xuất cho Công ty. Mặt bằng nhà xưởng hiện nay của Công ty đáp ứng được nhu cầu sản xuất có tính đến yếu tố tăng trưởng. Hệ thống cấp điện và cấp thoát nước được hoàn chỉnh và ổn định phát triển lâu dài.

Một số máy móc mới của Công ty

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ
1	Dây chuyền sản xuất pin R6 đồng bộ sản xuất pin đơn tự động hóa công suất 600cái/phút	Dây chuyền	02	2011; 2016	Trung Quốc
2	Dây chuyền thành phẩm R6 công suất 500cái /phút	Dây chuyền	02	2013; 2014	Trung Quốc
3	Dây chuyền sản xuất pin R03 bán tự động công suất 380cái /phút	Dây chuyền	01	2013	Trung Quốc
4	Dây chuyền thành phẩm R03 công suất 400c/phút	Dây chuyền	01	2013	Trung Quốc
5	Dây chuyền ép vỉ tự động R6	Dây chuyền	01	2015	Trung Quốc
6	Hệ thống Lò nấu kẽm sử dụng điện công suất 2tấn/giờ	Hệ thống	01	2018	Trung Quốc
7	Máy cắt vỉa ống kẽm R6 tốc độ 600 cái/phút	Máy	01	2018	Trung Quốc
8	Máy dập đồng xu 250 hành trình/phút	Máy	01	2018	Trung Quốc

Nguồn: Công ty cổ phần Pin Hà Nội

6.1.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty đã nghiên cứu và hoàn thiện công nghệ sản xuất pin thân thiện với môi trường, loại bỏ hoàn toàn thủy ngân và cadimi đã đưa vào ứng dụng từ năm 2012. Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, năm 2017 Công ty đã nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất pin R6P, R20P đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn IEC60086-2:2015 cho thị trường xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Công ty sẽ đưa sản phẩm pin R6 nhãn sắt tây có mức chất lượng cao hơn ra thị trường nội địa thay thế sản phẩm cùng loại đang nhập khẩu.

6.1.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng: Công ty đã áp dụng HTQLCL TCVN ISO9001 từ năm 2001 với phiên bản TCVN ISO9001:1994, đến nay là phiên bản tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, được Quacert chứng nhận phù hợp vào ngày 11/1/2017.

Quá trình quản lý chất lượng gồm hai phần:

Thứ nhất đảm bảo chất lượng bao gồm: kiểm tra vật tư, nguyên liệu đầu vào; đánh giá nhà cung cấp; kiểm soát thiết bị sản xuất và đo lường; kiểm soát tài liệu liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng.

Thứ hai kiểm soát chất lượng gồm: kiểm tra chất lượng ở các khâu, các công đoạn trong quá trình sản xuất; kiểm tra chất lượng sản phẩm nhập kho.

Công ty đã thiết lập kế hoạch kiểm soát chất lượng cho từng sản phẩm, từng công đoạn trong sản xuất. Trong đó quy định đầy đủ về: Phương pháp kiểm soát; Tần suất kiểm soát; Phương tiện kiểm soát; Biểu mẫu và người thực hiện kiểm soát.

6.1.7. Hoạt động Marketing

Chính sách sản phẩm:

Sản xuất và cung cấp những sản phẩm có chất lượng phù hợp với thị trường, trong từng thời điểm, đúng nơi, đúng lúc theo yêu cầu của khách hàng.

Chính sách khách hàng:

“Công ty cổ phần Pin Hà Hội lấy khách hàng làm trung tâm cho mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh, coi khách hàng là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trên cơ sở áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.”

Chính sách giá:

Công ty thường xuyên nghiên cứu cải tiến, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất để có được giá bán cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại thỏa mãn tối đa yêu cầu của khách hàng.

Chính sách khuyến trương, quảng cáo, tài trợ

Mặc dù thương hiệu PIN CON THỎ đã là một thương hiệu uy tín trên thị trường trong và ngoài nước, hàng năm Công ty vẫn luôn xây dựng kế hoạch và đầu tư nguồn lực đáng kể cho hoạt động khuyến trương, quảng bá thương hiệu.

Công ty vận dụng linh hoạt các phương thức khuyến trương, quảng bá phù hợp với đặc thù của sản phẩm, phù hợp với tập quán tiêu dùng của đối tượng khách hàng hướng tới

mục tiêu nâng cao hiệu quả trong hoạt động khuyến trương, quảng cáo.

Quá trình triển khai, thực hiện chính sách Marketing

Công ty thiết lập được hệ thống nghiên cứu thị trường bao gồm từ Công ty đến từng Đại lý, Nhà phân phối, nhằm đánh giá nắm bắt xu thế người tiêu dùng, đánh giá khả năng cạnh tranh của Pin Con Thỏ trên thị trường cả về chất lượng mẫu mã và giá bán cũng như các chính sách bán hàng, chính sách chăm sóc khách hàng. Nghiên cứu các đối thủ cạnh tranh trong đó xác định đối thủ chính để có đối sách phù hợp.

Sản phẩm của Công ty được phân phối qua mạng lưới hơn 100 đại lý hoạt động độc lập trên toàn quốc.

Công ty thường xuyên tham gia các hội chợ như: Hội chợ Hàng Việt Nam Chất lượng cao; Hội chợ đưa hàng Việt về nông thôn; Hội chợ do các Địa phương tổ chức và các Hội chợ quốc tế.

Đối với hoạt động truyền thông, Công ty linh hoạt lựa chọn những giải pháp truyền thông phù hợp như quảng cáo trên đài phát thanh truyền hình; quảng cáo thông qua báo chí; internet... để đảm bảo thông tin về sản phẩm PIN CON THỎ đến được với người tiêu dùng ở khắp các vùng miền trên cả nước.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện quảng bá, khuyến trương thương hiệu thông qua việc tài trợ kinh phí, sản phẩm trực tiếp cho các sự kiện, đồng thời tích cực tham gia trực tiếp vào các hoạt động xã hội từ thiện khác.

Chính vì thế sản phẩm pin Con Thỏ đã đứng vững và liên tục phát triển trên thị trường cạnh tranh khốc liệt trong suốt những năm qua.

6.1.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu hình elip Con Thỏ:



Tại Việt Nam: Công ty đã được cấp giấy chứng nhận số 1015 cho sản phẩm nhóm 9. Cấp Lần đầu vào 15/11/1988.

Tại Lào: Cấp số văn bằng 9339 (nhóm 9) ngày 3/2/2003.

Tại Campuchia: Số văn bằng KH17504/03 (nhóm 9) cấp ngày 24/1/2006.

Nhãn hiệu chữ CONTHỎ :

Tại Việt Nam: Công ty đã được cấp giấy chứng nhận số 50406 cho sản phẩm nhóm 9. Cấp ngày 7/11/2003.

Tại Lào: Cấp số văn bằng số 9340 (sản phẩm nhóm 9), ngày cấp 3/3/2003.

Tại Campuchia: Cấp số văn bằng KH170503/03 (sản phẩm nhóm 9), ngày cấp 24/1/2006.

Nhãn hiệu chữ RABBIT:

Tại Việt nam: Cấp số văn bằng 166971 ngày 5/7/2011 (sản phẩm nhóm 9) theo quyết định số 18882/QĐ-SHTT của Cục sở hữu trí tuệ Việt nam.

Tại Lào: Cấp số văn bằng 24119 (sản phẩm nhóm 9), ngày cấp 29/2/2012.

Tại Campuchia: Cấp số văn bằng KH/35660/10 ngày 17/11/2010. Số đơn 36104, ngày nộp đơn 27/1/2010.

6.1.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Danh sách một số hợp đồng bán hàng và đang thực hiện

STT	Tên khách hàng	Nội dung	Thời gian ký	Thời gian thực hiện	Thời gian kết thúc	Giá trị hợp đồng (tr đ)
1	GPI International Limited	Xuất khẩu vào thị trường Ấn Độ và Brazil	Hàng năm	2018	Hàng năm	80.200
2	GP Marketing Singapore PTE	Xuất khẩu Singapore	Hàng năm	2018	Hàng năm	6.800
3	Hộ Đại lý Nguyễn Thị Cúc	Tiêu thụ tại thị trường Hà Nội	Hàng năm	2018	Hàng năm	13.700
4	Hộ đại lý Vũ Văn Nam	Tiêu thụ tại Thị trường Tây Bắc	Hàng năm	2018	Hàng năm	16.500

5	Doanh nghiệp tư nhân Phước Lợi	Tiêu thụ tại Thị trường Tây Nguyên	Hàng năm	2018	Hàng năm	10.100
6	Doanh nghiệp tư nhân Tiến Cúc	Tiêu thụ tại Thị trường Hải Dương	Hàng năm	2018	Hàng năm	7.500
7	Trần Thị Cảnh	Xuất khẩu Campuchia	Hàng năm	2018	Hàng năm	4.600
8	Keosivanh	Xuất khẩu sang Lào	Hàng năm	2018	Hàng năm	6.300

Nguồn: Công ty cổ phần Pin Hà Nội

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh qua các thời kỳ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm 2017 so với 2016	9 tháng đầu năm 2018
1	Tổng giá trị tài sản	132.916.841.003	144.407.644.391	8,65	133.194.695.627
2	Vốn chủ sở hữu	91.237.516.316	103.555.659.029	13,5	96.893.379.970
3	Doanh thu thuần	298.238.759.236	336.957.732.622	12,98	263.662.087.775
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.383.099.479	25.876.335.887	15,61	15.007.466.807
5	Lợi nhuận khác	145.475.872	119.468.177	-17,88	(82)
6	Lợi nhuận trước thuế	22.528.575.351	25.995.804.064	15,39	15.007.466.725
7	Lợi nhuận sau thuế	18.065.947.297	20.739.912.938	14,8	11.972.498.442
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	86%	87,44%	-	-
9	LNST/VCSH bình quân	19,80%	21,29%	-	11,95%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Pin Hà Nội)

Vốn chủ sở hữu năm 2017 tăng 12.318 triệu đồng tương đương 13,5% so với năm 2016 do các yếu tố sau:

Lợi nhuận sau thuế phát sinh năm 2017 làm tăng thêm 20.740 triệu đồng, phân phối lợi nhuận thực hiện trong năm 2017 làm giảm: 8.772 triệu đồng. Trong đó:

- chia cổ tức 2016 lần 2 là 15% tương đương với 7.772 triệu đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 500 triệu đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển 500 triệu đồng

Vốn chủ sở hữu năm 2017 tăng 500 triệu đồng so với 2016 là do phân phối lợi nhuận do ghi tăng vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Đến thời điểm 9 tháng đầu năm 2018, Công ty thực hiện điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu 150 triệu đồng do điều chỉnh lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Thanh tra thuế.

Doanh thu thuần năm 2017 tăng 38.719 triệu đồng tương ứng tăng gần 13% so với năm 2016 là do: Công ty đẩy mạnh tăng trưởng sản lượng pin R6 và R03, tăng giá bán sản phẩm: trong năm Công ty đã có 2 lần điều chỉnh giá bán sản phẩm vào tháng 4 và tháng 12 năm 2017 để thích ứng với biến động giá kẽm đầu vào tăng mạnh trên thị trường. Cụ thể là tăng giá từ 2.410 đồng lên thành 2.580 trong tháng 4/2018 và 2.790 trong tháng 12 đối với sản phẩm Pin R20. Tăng từ 820 đồng lên thành 880 đồng trong tháng 4/2018 và 950 đồng trong tháng 12/2018 đối với sản phẩm pin R6. Tăng từ 780 đồng lên thành 840 đồng trong tháng 4/2018 và 910 đồng trong tháng 12/2018 đối với sản phẩm Pin R03.

Lợi nhuận khác: Đây là nguồn thu từ việc thanh lý tài sản cố định đã hết khấu hao không còn nhu cầu sử dụng do vậy chỉ tiêu chủ yếu phụ thuộc vào kế hoạch sử dụng tài sản cố định. Chỉ tiêu này có tỷ trọng không đáng kể trong kết quả HĐSXKD của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 tăng 2.674 triệu tương ứng tăng 14,8% so với năm 2016. Để có được kết quả này do nhiều yếu tố tác động bao gồm: sự tăng trưởng của sản lượng tiêu thụ, các đợt điều chỉnh tăng giá bán trong năm 2017, chi phí bán hàng và chi phí quản lý được kiểm soát tốt.

Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2018 tăng hơn 20 tỷ đồng tương ứng với 8,21% so với 9 tháng đầu năm 2017 chủ yếu do tác động của quyết định tăng giá bán 8% tại thị trường nội địa từ tháng 12 năm 2017. Cụ thể là việc tăng giá của từng dòng pin như: Pin R20 tăng từ 2.580 đồng lên thành 2.830 đồng, Pin R6 tăng từ 880 đồng lên thành 950 đồng và Pin R03 tăng từ 840 đồng lên thành 910 đồng.

Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2018 đạt 11,972 tỷ đồng giảm 5,5 tỷ đồng tương ứng giảm 31,48% so với 9 tháng đầu năm 2017 chủ yếu do yếu tố chi phí nguyên liệu đầu vào (đặc biệt là kẽm thỏi) tăng mạnh, cụ thể là giá mua kẽm trong 2017 là 61,85 triệu đồng/tấn trong khi giá kẽm trong năm 2018 là khoảng 68 triệu đồng/tấn dẫn đến chi phí kẽm thỏi đầu vào 9 tháng đầu năm 2018 tăng 7,3 tỷ so với 9 tháng đầu năm 2017.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

- Với bề dày hoạt động lâu năm, thương hiệu Pin Con Thỏ của công ty đã khẳng định vị thế trên thị trường. Với hệ thống phân phối rộng khắp, các sản phẩm Pin của Công ty có mặt khắp thị trường Việt Nam, đặc biệt là thị trường phía Bắc và các tỉnh miền Trung, Tây nguyên đem lại doanh thu ổn định cho công ty;
- Năm 2011, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác chiến lược với tập đoàn Tập đoàn Pin quốc tế GP theo đó Tập đoàn pin quốc tế GP thông qua Công ty TNHH Pin quốc tế Singapore mua 30% cổ phần của Công ty và trở thành cổ đông chiến lược của Công ty. Sự tham gia góp vốn của cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP (thuộc tập đoàn pin GP) góp phần nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý chất lượng sản phẩm, và đặc biệt là mở ra một thị trường xuất khẩu rộng lớn cho sản phẩm của Công ty;
- Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 được Công ty áp dụng từ năm 2001 giúp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tối ưu hóa lợi nhuận;
- Công ty đã thiết lập được hệ thống các nhà cung ứng trong và ngoài nước để có thể trực tiếp thực hiện nhập nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất;
- Nguồn ngoại tệ thông qua hoạt động xuất khẩu trực tiếp chiếm tỷ trọng khoảng 30% tổng doanh thu là một lợi thế để công ty chủ động được nguồn ngoại tệ cho việc nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị và hạn chế tối đa tác động do biến động tỷ giá giữa VND và ngoại tệ;
- Công ty có đội ngũ công nhân viên lành nghề, tâm huyết với doanh nghiệp và được đào tạo bài bản qua thực tế sản xuất. Chính sách đào tạo của công ty là luân chuyển cán bộ công nhân viên để đảm bảo công nhân có thể dễ dàng chuyển hướng sang các sản phẩm thị trường có nhu cầu.

Khó khăn

- Phụ thuộc vào biến động nguyên vật liệu nhập khẩu: Hiện gần 40% nguyên liệu phục vụ cho sản xuất của công ty là nhập khẩu hoặc có nguồn gốc nhập khẩu. Giá các sản phẩm này phụ thuộc vào chính sách xuất khẩu của từng quốc gia và biến động tỷ giá giữa các đồng ngoại tệ.

- Cuộc tranh đấu từ các nhà sản xuất nước ngoài cũng tăng mạnh. Từ năm 2006, Việt Nam gia nhập AFTA, thuế nhập khẩu pin giảm xuống còn 5%, khuyến khích các nhà sản xuất đến từ các nước trong khối này thâm nhập thị trường Việt Nam. Hiệp định thương mại tự do Trung Quốc – Asean có hiệu lực từ 1 tháng 1 năm 2010 cũng làm giảm thuế nhập khẩu Pin từ Trung Quốc làm gia tăng cuộc tranh đấu từ các nhà sản xuất Pin Trung Quốc. Hiện tại thuế Nhập khẩu pin từ các nước Asean vào Việt Nam là 0%.
- Quá trình hội nhập sâu và rộng của Việt Nam thông qua các Hiệp định thương mại tự do gồm cả song phương và đa phương tạo ra điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài có cơ hội nhập khẩu sản phẩm pin và thậm chí đầu tư sản xuất sản phẩm pin ngay tại Việt Nam. Do vậy áp lực cuộc tranh đấu mà Công ty phải đối mặt ngày càng lớn buộc công ty phải có đối sách phù hợp và có kế hoạch đầu tư đồng bộ, toàn diện để đứng vững và có cơ hội phát triển.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Vị thế của công ty trong ngành

Trong thị trường pin trong nước, Công ty cổ phần Pin Hà Nội và Công ty cổ phần Pin Ác qui miền Nam (Pinaco) chiếm khoảng 80% thị phần pin thông dụng trong cả nước; trong đó thị phần pin trong nước của Công ty cổ phần Pin Hà Nội vào khoảng 40%. Công ty có được vị thế vững vàng trong thị trường tiêu thụ pin trong nước là do:

- Đối với thị trường miền Bắc và Tây Nguyên, Công ty cổ phần Pin Hà Nội chiếm đa số thị phần vì Công ty đã xây dựng được một thương hiệu vững mạnh mà các công ty khác không dễ dàng thâm nhập vào thị trường.
- Trên thị trường cũng tồn tại các nhà sản xuất nhỏ lẻ nhưng khó cuộc tranh đấu với Pin Con Thỏ vì ngành sản xuất pin đòi hỏi vốn đầu tư lớn nhưng tỷ suất lợi nhuận không cao.
- Ngoài lợi thế về mặt thương hiệu, Công ty cổ phần Pin Hà Nội còn có lợi thế về quy mô sản xuất nên Công ty có thể đưa ra thị trường những sản phẩm với giá rất cuộc tranh đấu cùng với chất lượng ổn định.
- Công ty luôn cố gắng giữ vững và từng bước mở rộng thị trường trong nước,

không để mất thị phần cho pin ngoại.

- Việc ký kết hợp đồng và để cho Tập đoàn pin quốc tế GP làm đối tác là cổ đông chiến lược là một bước đi quan trọng của Công ty để tăng hiệu quả kinh doanh và mở rộng thị trường.
- Sản phẩm của Công ty đã tìm được chỗ đứng tại các thị trường mới như Ấn độ, Brazil. Doanh thu xuất khẩu vào các thị trường nói trên không ngừng tăng trưởng và đến năm 2015 đạt tỷ lệ hơn 25% tổng doanh thu, năm 2016 đạt 28,4% tổng doanh thu, năm 2017 đạt 31,8% tổng doanh thu.

Triển vọng phát triển của ngành

So với các nước phát triển, sản lượng tiêu thụ pin trên đầu người của các nước đang phát triển như Việt Nam là rất thấp. Thực tế này là do tỷ lệ người nghèo trên tổng dân số của Việt Nam còn khá cao và nhóm người này thường ít sử dụng những thiết bị cần dùng pin trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, đặc biệt là các thiết bị phục vụ cho nhu cầu giải trí. Khi chất lượng cuộc sống được nâng cao, sản lượng tiêu thụ các thiết bị sử dụng pin sẽ được cải thiện đáng kể và nhu cầu sử dụng pin trong nước sẽ tăng cao. Ngoài ra, với dân số trên 90 triệu người, Việt Nam là một thị trường rất tiềm năng cho các công ty trong ngành.

Để gia tăng tốc độ tăng trưởng hàng năm, các công ty trong ngành có thể mở rộng thị trường để xuất khẩu sang các nước đang phát triển và Công ty cổ phần Pin Hà Nội cũng đang mở rộng thị trường theo hướng đi này.

Thành quả của quá trình hội nhập thông qua việc tham gia vào các hiệp định tự do thương mại song phương và đa phương đã tạo ra những lợi thế rõ rệt cho sản phẩm pin có xuất xứ Việt Nam khi xuất khẩu so với sản phẩm pin có xuất xứ từ Trung quốc hoặc khu vực khác.

Chính sách khuyến khích xuất khẩu của Chính phủ tạo môi trường thuận lợi và đem lại lợi thế cạnh tranh lớn cho các doanh nghiệp sản xuất pin trong nước so với các nhà sản xuất pin ở ngoài Việt Nam.

Nhu cầu tiêu dùng đối với sản phẩm pin Carbon kẽm trên thị trường thế giới còn rất lớn.

So sánh tình hình tài chính với các doanh nghiệp cùng ngành

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	PAC	DQC	PHN
Tổng Tài Sản	1.780.652.163.824	1.611.366.439.382	144.407.644.391
Vốn điều lệ	464.717.070.000	343.594.160.000	72.539.110.000
Doanh thu thuần	2.612.940.098.761	1.056.462.970.639	336.957.732.622
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	174.864.690.542	135.320.225.610	25.995.804.064
Lợi nhuận sau thuế	135.807.657.708	110.295.255.165	20.739.912.938

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2017 của các Công ty

Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Ngành sản xuất pin là một phần trong ngành công nghiệp hóa chất do vậy ngành sản xuất pin sẽ được định hướng theo Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp Hóa chất Việt Nam đến năm 2020 của Thủ tướng Chính Phủ.

Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp Hóa chất Việt Nam đến năm 2020 cụ thể như sau:

- Xây dựng ngành Công nghiệp Hóa chất có cơ cấu tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu trong nước, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới;
- Từng bước xây dựng ngành Công nghiệp Hóa chất hiện đại, bước đầu hình thành các khu Công nghiệp tập trung, các tổ hợp sản xuất hóa chất có quy mô lớn, sử dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường khu vực;
- Phần đầu đạt tốc độ phát triển 16 – 17%/năm. Tỷ trọng của Công nghiệp Hóa chất trong cơ cấu Công nghiệp toàn quốc đạt 10 - 11% vào năm 2010 và 13 – 14% vào năm 2020;
- Giai đoạn từ 2011 đến 2020: nghiên cứu để phát triển và nâng cao chất lượng các nguồn điện mới, phục vụ cho các yêu cầu của thị trường về nguồn điện sạch, như các loại Pin Ion-Li cho ô tô điện, xe máy, xe đạp điện.

Thị trường Việt Nam với khoảng trên 90 triệu dân và dân số trẻ nên nhu cầu tiêu dùng đối với các sản phẩm Pin rất lớn. Theo thống kê của Hiệp hội Pin quốc tế, sản lượng Pin trên đầu người của Việt Nam mới ở mức 6 sản phẩm/ năm trong khi nhu cầu tại Mỹ là 100 sản phẩm/ năm, Nhật Bản là 50-60 sản phẩm/ năm. Các sản phẩm sử dụng nguồn năng lượng của Pin ngày càng nhiều như: Đồ chơi điện tử chạy pin, điều khiển các loại thiết bị điện tử, điều hòa, dàn đĩa nhạc, quạt treo tường v.v ... Do đó có thể dự đoán rằng, trong tương lai, ngành sản xuất pin sẽ tiếp tục phát triển hơn nữa và là cơ hội rất lớn để Công ty tiếp tục nghiên cứu, đầu tư các hướng sản xuất, kinh doanh mới của mình.

9. Chính sách đối với người lao động

 Số lượng người lao động trong công ty

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến ngày 30/9/2018 là 312 người. Trong đó, cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

Cơ cấu lao động phân theo trình độ học vấn tại thời điểm 30/9/2018

TT	Tiêu chí	Số lượng		
		Nam	Nữ	Tổng
1	Đại học	43	12	55
2	Cao đẳng	24	3	27
3	Trung cấp	65	27	92
4	Tốt nghiệp trường dạy nghề; THPT	101	37	138
	Tổng	233	79	312

Nguồn: Công ty cổ phần Pin Hà Nội

Chính sách với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách đãi ngộ hợp lý với người lao động, thực hiện dưới các hình thức sau:

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa đối với người làm việc theo giờ hành chính là 60 phút, ca 1 và ca 2 nghỉ 30 phút, ca 3 nghỉ 45 phút, thời gian làm việc của các xưởng sản xuất trực tiếp được chia ra thành từ 2 đến 3 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước;

Nghỉ phép, nghỉ Lễ, nghỉ Tết: Nhân viên được nghỉ Lễ, nghỉ Tết, nghỉ phép theo quy định của Bộ Luật lao động;

Nghỉ ốm, Thai sản: Theo quy định của Luật Bảo hiểm Xã hội;

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Chính sách tuyển dụng

- Nhân viên các phòng, phân xưởng làm chuyên môn nghiệp vụ:
Tiêu chuẩn phải có bằng tốt nghiệp đại học, nếu chưa có phải cam kết mục tiêu hoàn thành, khi đã có bằng tốt nghiệp, ứng viên nộp đơn công ty xét tuyển.
- Lao động trong các công đoạn sản xuất:
Tiêu chuẩn phải có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và chứng chỉ nghề phù

hợp.

- Công ty ưu tiên tuyển dụng người lao động là con các cố đồng và người lao động trong công ty có trình độ chuyên môn theo yêu cầu từng vị trí tuyển dụng, có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt vào làm việc tại công ty.

Chính sách đào tạo

- Số nhân lực có trình độ từ công nhân kĩ thuật trở lên được tuyển dụng từ các trường học, đã được trang bị đầy đủ các kiến thức chung trong trường, sau khi được tuyển dụng được bố trí làm việc tại các phân xưởng sản xuất.
- Những lao động mặc dù đã qua đào tạo nhưng thiếu thực tế nên làm ảnh hưởng đến chất lượng công việc, chất lượng sản phẩm phải được đào tạo thực tế.
- Tất cả các lao động mới tuyển dụng đều được học nguyên lý, quy trình vận hành thiết bị, quy trình công nghệ, an toàn lao động. Ngoài ra còn được phổ biến về Nội quy lao động, Luật lao động.
- Căn cứ vào giai đoạn phát triển của công ty theo từng thời điểm và nhiệm vụ trọng tâm trong năm để tổ chức triển khai đào tạo nhân lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển của đơn vị. Căn cứ theo nhu cầu từng giai đoạn, có kế hoạch đào tạo cho các cấp trình độ phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.
- Hàng năm căn cứ nhu cầu đào tạo nhân lực theo các nhóm ngành nghề chính để đáp ứng kịp thời phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị. Có thể mời giảng viên tại các trung tâm hoặc có thể gửi học viên đi học đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, đối với nhân lực tham gia trực tiếp hàng năm phải tổ chức đào tạo lại nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao.

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

- Công ty nhận thức đội ngũ lao động là tài sản quan trọng của công ty. Vì thế ngoài việc chăm lo tuyển dụng, đào tạo cho mọi người lao động đều đáp ứng được yêu cầu, công ty còn chăm lo đời sống, thu nhập của người lao động.
- Công ty xây dựng bảng lương riêng, đóng 100% BHXH các loại cho người lao động, với mức lương đóng bảo hiểm cao hơn doanh nghiệp Nhà nước.
- Hàng năm công ty tổ chức 100% lao động đi nghỉ mát. Lao động ốm đau được đi chữa bệnh và điều dưỡng.
- Công ty luôn đầu tư những thiết bị máy móc tiên tiến để nâng cao năng suất lao động và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động đảm bảo sức khỏe để người lao động gắn bó lâu dài với công ty.

- Mức thu nhập bình quân năm 2017 của công ty là 10,6 triệu/người/tháng bao gồm lương tháng, tiền ăn ca, thưởng các dịp Lễ, Tết, thưởng tháng lương thứ 13.
- Công ty thực hiện trợ cấp cho người lao động theo đúng chế độ hiện hành. Ngoài ra còn trợ cấp thêm cho CBCNV khi đủ tuổi nghỉ hưu.

10. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định trả cổ tức 30% bằng tiền, việc chi trả đã được thực hiện vào hai đợt trong đó đợt 1 trả 15% thực hiện trong Quý IV năm 2016 và đợt hai chi trả 15% thực hiện vào Quý III năm 2017.

Năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định trả cổ tức 25% việc chi trả đã được thực hiện vào hai đợt trong đó đợt 1 thực hiện 11% thực hiện trong Quý I năm 2018 và đợt hai chi trả 14% đã thực hiện vào Quý II năm 2018.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Năm 2015 Công ty bắt đầu chuyển sang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014.

Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Cơ sở xác định thời gian và giá trị khấu hao theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

➤ Nhà cửa, vật kiến trúc

05-30 năm

- Máy móc, thiết bị 05-10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 06-10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03-05 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng

✚ Mức lương bình quân của người lao động

Thu nhập bình quân 2016: 9,9 tr/người/tháng

Thu nhập bình quân 2017: 10,6tr/người/tháng

Thu nhập bình quân bao gồm tiền lương tháng, tiền cơm ca, tiền thưởng lễ, tết, tiền thưởng cuối năm

Mức thu nhập nêu trên mặc dù so với mặt bằng xã hội nói chung là không quá cao, tuy nhiên nếu so với các doanh nghiệp cùng ngành hoặc cùng địa bàn thì cũng là một mức thu nhập khá, đủ để tạo động lực cho người lao động gắn bó với công ty. Ngoài ra, mức độ tăng trưởng thu nhập bình quân hàng năm vẫn được công ty nỗ lực duy trì trong một thời gian dài bằng các biện pháp đầu tư, hiện đại hóa, tự động hóa để nâng cao năng suất lao động, qua đó cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

✚ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện thanh toán đầy đủ, đúng hạn đối với các khoản vay và không có nợ quá hạn.

✚ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế hàng năm cho Nhà nước theo đúng quy định

✚ Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh của Công ty và các quy định của nhà nước.

✚ Tổng dư nợ vay

Các khoản vay giai đoạn 2016, 2017, 9 tháng đầu năm 2018

STT	Chi tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19.937.026.800	23.320.398.540	18.750.792.380
2	Vay dài hạn	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Pin Hà Nội)

Các khoản vay và nợ ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2016

✚ Hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201600087 ngày 25/07/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh được quy định cụ thể trong kế ước nhận nợ;
- + Thời hạn của hợp đồng: Không quá 12 tháng và được quy định cụ thể tại Hợp đồng tín dụng kèm kế ước nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng cho từng lần giải ngân theo quy định tại hợp đồng tín dụng kèm kế ước nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 874.431,00 USD tương đương 19.937.026.800;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: chi tiết về tài sản bảo đảm, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm, quyền và nghĩa vụ của các bên thực hiện theo Hợp đồng bảo đảm. Ngoài ra, Công ty cam kết dùng tài sản hợp pháp của mình làm tài sản bảo đảm cho vay nợ tại Eximbank, trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán vốn, lãi và các chi phí khác trong Eximbank.

Các khoản vay và nợ ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2017

✚ Hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201700163 ngày 24/07/2017, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh được quy định cụ thể trong kế ước nhận nợ;
- + Thời hạn của hợp đồng: Không quá 12 tháng và được quy định cụ thể tại Hợp đồng tín dụng kèm kế ước nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng cho từng lần giải ngân theo quy định tại hợp đồng tín dụng kèm kế ước nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017: 6.000.000.000 đồng và 761.671 USD tương đương 17.320.398.540 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: chi tiết về tài sản bảo đảm, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm, quyền và nghĩa vụ của các bên thực hiện theo Hợp đồng bảo đảm. Ngoài ra, Công ty cam kết dùng tài sản hợp pháp của mình làm tài sản bảo đảm cho vay nợ tại Eximbank, trong trường hợp

tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán vốn, lãi và các chi phí khác trong Eximbank.

Các khoản vay và nợ ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 30/09/2018

- 📌 Hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201700163 ngày 24/07/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh được quy định cụ thể trong kế ước nhận nợ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Không quá 12 tháng và được quy định cụ thể tại Hợp đồng tín dụng kèm kế ước nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng cho từng lần giải ngân theo quy định tại hợp đồng tín dụng kèm kế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/09/2018 là 803.943 USD (tương đương 18.750.792.380 đồng);
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Chi tiết về tài sản bảo đảm, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm, quyền và nghĩa vụ của các bên thực hiện theo Hợp đồng bảo đảm. Ngoài ra, Công ty cam kết dùng tài sản hợp pháp của mình làm tài sản đảm bảo cho nợ vay tại Eximbank, trong trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán nợ gốc, lãi quá hạn, lãi trên số tiền lãi chậm trả, bồi thường thiệt hại (nếu có) và các phí khác phát sinh cho Eximbank.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu giai đoạn 2016, 2017, 9 tháng đầu năm 2018

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	26.355.493.963	19.619.388.397	19.284.039.839
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	239.030.021	7.947.550.495	3.824.260.421
3	Phải thu ngắn hạn khác	1.356.962.936	848.094.363	2.043.470.640
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-308.110.757	-296.062.464	-284.372.700
Tổng cộng		27.643.376.217	28.118.970.791	24.867.398.200

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Pin Hà Nội)

Các khoản nợ xấu tại thời điểm 31/12/2017:

- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế & Dịch vụ Siêu thị BigC Thăng Long: 45.608.502 đồng;
- Cửa hàng 58 Trần Phú Hải Phòng: 40.057.552 đồng;
- Các khoản ngắn hạn khác: 238.763.803 đồng;
- Tổng các khoản nợ xấu: 324.429.857 đồng trong đó các khoản có khả năng thu hồi: 28.367.393 đồng. Do vậy Công ty đã trích dự phòng phải thu khó đòi 296.062.464 đồng tại thời điểm 31/12.2017.

Các khoản nợ xấu tại thời điểm 30/9/2018:

- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế & Dịch vụ Siêu thị BigC Thăng Long: 45.608.502 đồng;
- Cửa hàng 58 Trần Phú Hải Phòng: 40.057.552 đồng;
- Các khoản ngắn hạn khác: 204.338.429 đồng;
- Tổng các khoản nợ xấu: 290.004.843 đồng trong đó các khoản có khả năng thu hồi: 5.631.783 đồng. Do vậy Công ty đã trích dự phòng phải thu khó đòi 284.372.700 đồng tại thời điểm 30/09/2018.

Các khoản phải trả giai đoạn 2016, 2017, 9 tháng đầu năm 2018

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Phải trả người bán ngắn hạn	7.024.189.337	6.732.474.477	5.106.449.423
2	Người mua trả tiền trước	172.519.043	103.332.031	24.958.668
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	967.919.590	1.566.854.691	3.641.464.417
4	Phải trả người lao động	4.845.747.045	6.156.579.481	6.096.769.357
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.002.361.126	2.168.918.784	1.666.981.662
6	Phải trả ngắn hạn khác	3.240.596.996	222.458.608	460.771.000
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19.937.026.800	23.320.398.540	18.750.792.380
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	488.964.750	580.968.750	553.128.750
Tổng cộng		41.679.324.687	40.851.985.362	36.301.315.657

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Pin Hà Nội)

Hàng tồn kho

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016		31/12/2017		30/09/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	39.704.759.072		44.182.685.362	-	40.269.987.930	-
Công cụ, dụng cụ	206.263.674	-	105.939.592	-	133.797.888	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.361.990.517	-	2.365.439.866	-	2.713.937.068	-
Thành phẩm	7.991.340.221	-	6.755.653.351	-	5.869.531.558	-
Hàng hóa	1.041.133.082	-211.948.032	376.155.283	-	177.879.313	-
Hàng gửi đi bán	33.677.053	-	53.424.825	-	56.234.555	-
Tổng cộng	51.339.163.619	211.948.032	53.839.298.279	0	49.221.368.312	0

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Pin Hà Nội)

Đối với khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Đây là khoản trích dự phòng cho giá trị một số chủng loại pin nhập khẩu (theo dõi tại mục Hàng hóa) chậm luân chuyển, cận date và có dấu hiệu suy giảm chất lượng. Trong năm 2017 Công ty đã thống nhất với phía đối tác GP qua đó tiêu hủy toàn bộ các sản phẩm này để đảm bảo uy tín thương hiệu cho GP. Toàn bộ lượng hàng tiêu hủy này đã được phía GP bù đắp chi phí.

Từ cuối 2017, toàn bộ hàng tồn kho của Công ty là thành phẩm, hàng hóa, vật tư nguyên liệu... ở trạng thái chất lượng đảm bảo, luân chuyển ổn định phù hợp với nhu cầu SXKD của công ty nên Công ty không phải trích lập dự phòng.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu Công ty mẹ	Đơn vị tính	2016	2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,01	2,41
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,79	1,09
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	31,36	28,29
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	45,68	39,45
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,78	5,29
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Lần	2,24	2,43
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,06	6,16
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ VCSH bình quân	%	19,8	21,29
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	13,59	14,96
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/doanh thu thuần	%	7,51	7,68

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của CTCP Pin Hà Nội)

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông. Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông. Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên HĐQT
3.	Ông. Nguyễn Cao Sơn	Ủy viên HĐQT
4.	Ông. Võ Khánh Toàn	Ủy viên HĐQT
5.	Ông. Nguyễn Thanh Quang	Ủy viên HĐQT
6.	Bà. Quek Guet Nghoh	Ủy viên HĐQT
7.	Ông. Qiu Ruixiang	Ủy viên HĐQT

12.1.1. Ông Phạm Văn Nghĩa

Họ và tên	Phạm Văn Nghĩa
Số CMTND	011741425 cấp ngày 20/05/2007 tại CA Hà Nội
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	23/01/1961
Nơi sinh	Nghĩa Thái- Nghĩa Hưng- Nam Định
Quốc tịch	Việt –Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Vĩnh Quỳnh , Thanh Trì, Hà Nội
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	024 - 3.8615365
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
09/1978-09/1983	Sinh viên Trường Đại học KTQD
09/1983-12/1983	Học lớp sỹ quan dự bị
03/1984-12/1989	Nhân viên Phòng KHLĐ Nhà máy pin Hà Nội
01/1990-01/1996	Nhân viên Phòng KHLĐ Xí nghiệp liên hợp Pin Hà Nội
02/1996-03/1999	P/Phòng KHLĐ, Phó Chủ tịch công đoàn Xí nghiệp liên hợp Pin Hà Nội
04/1999-08/2002	Phó GD, Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch công đoàn Công ty Pin Hà Nội
09/2002-12/2002	Giám đốc công ty- Đảng ủy viên Công ty Pin Hà Nội
02/2001-02/2003	Học lớp cao cấp lý luận chính trị Học viện chính trị quốc gia
01/2003-12/2003	Phó bí thư đảng bộ- Giám đốc công ty Pin Hà Nội

01/2004-12/2007	Phó bí thư đảng bộ- Chủ tịch HĐQT- Giám đốc công ty cổ phần Pin Hà Nội
01/2008 - nay	Bí thư đảng bộ- Chủ tịch HĐQT- Giám đốc công ty cổ phần Pin Hà Nội
3/2011-07/2016	Giám đốc công ty TNHH MTV Pin Hà Nội
12/2015-02/2018	Tổng giám đốc-Ủy viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)
03/2018 đến nay	Ủy viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)
Chức vụ công tác hiện nay	Chủ tịch HĐQT- Giám đốc công ty – Bí thư Đảng ủy công ty
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Ủy viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	364.350 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 5,02% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	1.160.711 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 16% vốn điều lệ, đại diện cho phần vốn của Tập đoàn Hoá chất Việt Nam tại Công ty cổ phần Pin Hà Nội;
Số cổ phiếu sở hữu của những người liên quan	Vợ: Diệp thị Hạnh, sở hữu: 46.764 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,64% vốn điều lệ Con: Phạm Xuân Nam, sở hữu: 69.945 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,96% vốn điều lệ Con: Phạm Nam Long, sở hữu: 94.052 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 1,29% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

12.1.2. Ông Nguyễn Thanh Hùng

Họ và tên	Nguyễn Thanh Hùng
Số CMTND	001063007444 cấp ngày 04/05/2016 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Giới tính	Nam

Ngày tháng năm sinh	14/01/1963
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số nhà 11/ C11 Tập thể Pin Văn điển, Thị trấn Văn điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	024 - 3.8615365
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí, Kỹ sư quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
5/1980 - 10/1981	Công nhân PX Cơ khí Nhà máy Pin Văn điển
11/1981 - 12/1985	Hợp tác lao động Nước Tiệp khắc
1/1986 - 4/1986	Chờ phân công công tác Về nước
5/1986 – 11/1989	Công nhân PX Cơ khí Nhà máy Pin Hà Nội
12/1989 - 3/1993	Công nhân PX Cơ khí Xí nghiệp liên hiệp Pin Hà Nội
4/1993 - 12/1995	Kỹ sư Phòng Kỹ thuật cơ điện XNLH Pin Hà Nội
1/1996 - 9/1996	Kỹ sư Phòng Kỹ thuật cơ điện Công ty Pin Hà Nội
10/1996 - 10/2000	Phó Quản đốc PX Pin hồ điện Công ty Pin Hà Nội
11/2000 - 12 /2003	Quản đốc PX Pin hồ điện Công ty Pin Hà Nội
1/2004 - 12/2007	Đảng ủy viên, Quản đốc PX Pin hồ điện, Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần Pin HN

1/2008 đến nay	Ủy viên HĐQT; Phó Giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần Pin HN
Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Giám đốc-Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần Pin HN
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	117.980 cổ phần; chiếm tỷ lệ: 1,626 % vốn điều lệ;
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	362.722 cổ phần; chiếm tỷ lệ: 5% vốn điều lệ, đại diện cho phần vốn của Tập đoàn Hoá chất Việt Nam tại Công ty cổ phần Pin Hà Nội;
Số cổ phiếu sở hữu của những người liên quan	Vợ: Trần Thị Ánh Hồng - Sở hữu 41.937 cổ phần; chiếm tỷ lệ: 0,578% vốn điều lệ; Con trai: Nguyễn Thanh Vinh – Sở hữu 63.134 cổ phần; chiếm tỷ lệ: 0,870% vốn điều lệ; Con trai: Nguyễn Thanh Hiên – Sở hữu 15.342; chiếm tỷ lệ: 0,211% vốn điều lệ;
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

12.1.3. Ông Nguyễn Cao Sơn

Họ và tên	Nguyễn Cao Sơn
Số CMTND	012058222 cấp ngày 25/08/2012 tại Công an TP.Hà Nội
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	14/09/1966
Nơi sinh	Tương Giang – Từ Sơn – Bắc Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Tập thể pin Văn điển – Thị trấn Văn Điển – Thanh Trì – Hà Nội

Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	024 - 3.8615365
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện hóa
Quá trình công tác	
08/1991 - 03/1993	Nhân viên kỹ thuật Xí nghiệp liên hợp pin Hà Nội
04/1993 – 12/1995	Đốc công kiêm kỹ thuật viên phân xưởng Xí nghiệp liên hợp pin Hà Nội
01/1996-12/1999	Đốc công kiêm kỹ thuật viên phân xưởng Công ty pin Hà Nội
01/2000 - 06/2000	Nhân viên Công ty pin Hà Nội
07/2000 - 12/2003	Phó phòng kỹ thuật Công nghệ môi trường Công ty pin Hà Nội
01/2004 – 05/2005	Trưởng phòng kỹ thuật công nghệ, môi trường và KCS Công ty cổ phần Pin Hà Nội
06/2005 - 06/2006	Lao động tự do
07/2006 - 05/2007	Giám đốc Công ty cổ phần pin quốc gia (Thái nguyên)
06/2007 - 12/2007	Lao động tự do
01/2008 - 03/2009	Nhân viên Công ty cổ phần Pin Hà Nội
04/2009 - 03/2012	Trưởng phòng kỹ thuật công nghệ, môi trường và KCS Công ty cổ phần Pin Hà Nội
04/2012 - 11/2015	UVHĐQT - Trưởng phòng KTCN-MT-KCS Công ty cổ phần Pin Hà Nội
Từ 12/2015 đến nay	UVHĐQT – Phó giám đốc Công ty cổ phần Pin Hà Nội
Chức vụ công tác hiện nay	UVHĐQT – Phó giám đốc công ty.
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	7.723 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,106% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Số cổ phiếu sở hữu của những người liên quan	Nguyễn Thị Minh Hiền – Vợ, sở hữu: 11.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ:0,16 % vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

12.1.4. Ông Võ Khánh Toàn

Họ và tên	Võ Khánh Toàn
Số CMTND	001073006139 cấp ngày 21/09/2015 tại Công an TP.Hà Nội
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	26/02/1973
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Khu TT N/m Pin Văn Điển, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	024 - 3.8615365
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị Kinh doanh Thương Mại
Quá trình công tác	
12-1998 đến 02-2000	Nhân viên phòng Kế hoạch Lao động Công ty Pin Hà Nội
03-2000 đến 12-2003	Nhân viên phòng Kế hoạch Lao động Công ty Pin Hà Nội, Phó bí thư Đoàn TNCS HCM Công ty Pin Hà Nội
01-2004 đến 04-2008	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Phó bí thư Đoàn TNCS HCM Công ty Cổ phần Pin Hà Nội
05-2008 đến 11-2009	Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Pin Hà Nội
12-2009 đến 11- 2010	Phó phòng Phụ trách Phòng Tài Chính Kế toán – Công ty cổ phần Pin Hà Nội
12-2010 đến 03/2012	Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Pin Hà Nội
04/2012 đến 06/2017	Ủy viên HĐQT; Trưởng phòng Tài chính Kế toán; Thư ký Công ty, Người ủy quyền công bố thông tin

Từ 06/2017 đến nay	Ủy viên HĐQT Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Pin Hà Nội, Người ủy quyền công bố thông tin Công ty cổ phần Pin Hà Nội
12/2015 đến nay	Quyền Kế toán trưởng Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)
11/2011 đến 06/2016	Phụ trách Kế toán Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội
Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên HĐQT; Trưởng phòng Tài chính Kế toán; Người ủy quyền công bố thông tin
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Quyền Kế toán trưởng Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	16.800 cổ phần, chiếm tỉ lệ: 0.23% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Số cổ phiếu sở hữu của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

12.1.5. Ông Nguyễn Thanh Quang

Họ và tên	Nguyễn Thanh Quang
Số CMTND	011362914 cấp ngày 28/12/2007 tại Hà Nội
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	18/10/1965
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 8 C5 Tập thể Pin – Thị trấn Văn Điển – Huyện Thanh Trì – Thành phố Hà Nội
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	024 - 3.8615365

Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ Sư
Quá trình công tác	
12/1983 - 02/1985	Công nhân ép cọc than Nhà máy Pin Hà Nội
03/1985 - 11/1989	Nhân viên bảo vệ Nhà máy Pin Hà Nội
12/1989 - 06/1995	Nhân viên bảo vệ Xí Nghiệp Liên Hợp Pin Hà Nội
07/1995 - 12/1995	Nhân viên phòng KTCN Xí Nghiệp Liên Hợp Pin Hà Nội
01/1996 - 08/2002	Nhân viên phòng KTCN Công ty Pin Hà Nội
9/2002 - 12/2003	Phó phòng KTCN – MT – KCS Công ty Pin Hà Nội
1/2004 - 04/2007	Nhân viên KTCN – MT – KCS Công ty Cổ Phần Pin Hà Nội
05/2007 - 04/2009	Phó Quản đốc Phân xưởng Pin số 2, Thành viên Ban kiểm soát, Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ Phần Pin Hà Nội
05/2009- 05/2017	Quản đốc Phân xưởng Pin số 2, Thành viên Ban kiểm soát, Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ Phần Pin Hà Nội
06/2017 – nay	Quản đốc Phân xưởng Pin số 2, Thành viên Hội Đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ Phần Pin Hà Nội
12/2015 đến nay	Ủy viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT; Quản đốc Phân xưởng Pin số 2
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Ủy viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	11.463 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,158 % vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	5.264 cổ phần của Công đoàn Công ty Cổ phần Pin Hà Nội, chiếm tỷ lệ 0,0725% vốn điều lệ
Số cổ phiếu sở hữu của những người liên quan	Vợ : Lưu Thị Bích Thủy sở hữu: 12.751 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,176 % vốn điều lệ Em dâu : Trần Thị Huệ sở hữu: 1.628 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,022 % vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

12.1.6. Bà Quek Guet Nghoh

Họ và tên	Quek Guet Nghoh
Số CMTND	S1365451D cấp ngày 15/06/1991 tại Singapore
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	31/05/1959
Nơi sinh	Singapore
Quốc tịch	Singapore
Dân tộc	
Địa chỉ thường trú	78, Tanah Merah Keeil Ave, #03-02 Singapore
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	024 - 3.8615365
Trình độ văn hoá	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kỹ thuật
Quá trình công tác	
08/1998 đến nay	Giám đốc chất lượng và công nghệ Công ty GP Batteries International Limited
12/2013 đến nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Pin Hà Nội
Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên HĐQT
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Giám đốc chất lượng và công nghệ Công ty GP Batteries International Limited
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	Không
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	2.176.333 cổ phần; chiếm tỷ lệ: 30% vốn điều lệ, đại diện cho phần vốn của GP Batteries International Limited tại Công ty cổ phần Pin Hà Nội;

Số cổ phiếu sở hữu của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

12.1.7. Ông Qiu Ruixiang

Họ và tên	Qiu Ruixiang
Số CMTND	M190891(5) cấp ngày 18/01/2013 tại Hong Kong
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	07/08/1966
Nơi sinh	Trung Quốc
Quốc tịch	Trung Quốc
Dân tộc	
Địa chỉ thường trú	Flat ND 33/F, Tower 1 Phase 2, Festival City, 1 Mei Tin Road, Taiwai Shatin NT, Hong Kong
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	024 - 3.8615365
Trình độ văn hoá	
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư
Quá trình công tác	
2/2008 – 10/2012	Giám đốc sản xuất Công ty TNHH Hệ thống bếp Franke
11/2012 – 12/2015	Giám đốc điều hành khu vực châu Á và châu Phi Công ty Frigoglass S.A.I.C
1/2016 đến nay	Giám đốc sản xuất pin Carbon Zinc Tập đoàn Pin Quốc Tế GP
10/2016 đến nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Pin Hà Nội
Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên HĐQT

Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Giám đốc sản xuất pin Carbon Zinc Tập đoàn Pin Quốc tế GP
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	Không
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Số cổ phiếu sở hữu của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

12.2. Ban Giám Đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Phạm Văn Nghĩa	Giám Đốc
2.	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Giám Đốc
3.	Nguyễn Tiến Triển	Phó Giám Đốc
4.	Nguyễn Cao Sơn	Phó Giám Đốc

12.2.1. Phạm Văn Nghĩa

Sơ yếu lý lịch đã được nêu tại phần Hội đồng quản trị

12.2.2. Nguyễn Thanh Hùng

Sơ yếu lý lịch đã được nêu tại phần Hội đồng quản trị

12.2.3. Nguyễn Tiến Triển

Họ và tên	Nguyễn Tiến Triển
Số CMTND	034054002026 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp:18/02/2016
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	07/08/1954
Nơi sinh	Thụy Sơn , Thụy Anh , Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	77 Thợ Nhuộm , Hoàn Kiếm , Hà Nội
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	024 - 3.8615365
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư
Quá trình công tác	
02/1972 đến 07/1981	Công nhân Nhà máy pin Văn Điển.
08/1981 đến 01/1983	Cán bộ kỹ thuật phân xưởng cơ khí Nhà máy pin Văn Điển
02/1983 đến 08/1983	Cán bộ kỹ thuật Phòng cơ điện Nhà máy pin Văn Điển
09/1983 đến 02/1987	Cán bộ kỹ thuật Phòng cơ điện Nhà máy pin Hà Nội
03/1987 đến 11/1989	Phó phòng , quyền trưởng phòng Cơ điện Nhà máy pin Hà Nội
12/1989 đến 12/1995	Quản đốc phân xưởng kẽm XNLH pin Hà Nội
01/1996 đến 12/2003	Quản đốc Phân xưởng Phụ kiện Công ty Pin Hà Nội
01/2004 đến 11/2010	Quản đốc Phân xưởng Phụ Kiện Công ty Cổ phần Pin Hà Nội
04/2009 đến 05/2017	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc công ty Công ty cổ phần pin Hà Nội
06/2017 đến nay	Phó giám đốc công ty Công ty cổ phần pin Hà Nội
Chức vụ công tác hiện nay	Phó giám đốc công ty

Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	50.069 cổ phần, chiếm tỉ lệ: 0,069% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Số cổ phiếu sở hữu của những người liên quan	Vợ : Lê Thị Thiên Hương , sở hữu 4.328 cổ phần, chiếm tỉ lệ: 0,005% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

12.2.4. Nguyễn Cao Sơn

Sơ yếu lý lịch đã được nêu tại phần Hội đồng quản trị

12.3 Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng ban kiểm soát
2.	Nguyễn Thanh Đức	Thành viên ban kiểm soát
3.	Huỳnh Tín Đình	Thành viên ban kiểm soát

12.3.1. Nguyễn Thị Thanh Hải

Họ và tên	Nguyễn Thị Thanh Hải
Số CMTND	011390432 cấp ngày 25/04/2013 tại Công an TP.Hà Nội
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	06/10/1953
Nơi sinh	Cẩm Hà– Huyện Cẩm xuyên – Tỉnh Hà Tĩnh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Cẩm Hà– Huyện Cẩm xuyên – Tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú	Tập thể pin Văn điển – Thị trấn Văn Điển – Thanh Trì – Hà Nội
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	024 - 3.8615365
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
12/1976 - 01/1983	Nhân viên kế toán Nhà máy Pin Văn Điển
01/1983 - 12/1989	Nhân viên kế toán Nhà Máy Pin Hà Nội
01/1990 - 03/1993	Nhân viên phòng TCKT Xí nghiệp liên hợp pin Hà Nội
04/1994 - 06/1996	Nhân viên Phòng TCKT Xí nghiệp liên hợp pin Hà Nội
07/1996 - 12/2003	Nhân viên Phòng TCKT Công ty pin Hà Nội
01/2004 - 02/2007	Kế toán tổng hợp, thành viên BKS Công ty cổ phần Pin Hà Nội
03/2007 - 01/2008	Phó phòng TCKT, trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Pin Hà Nội
02/2008 - 03/2010	Trưởng phòng TCKT Công ty cổ phần Pin Hà Nội
04/2010 - 05/2012	Nghỉ hưu; thành viên BKS Công ty Công ty cổ phần Pin Hà Nội
05/2012 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Pin Hà Nội
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	34.965 cổ phần; chiếm tỷ lệ 0,48% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Số cổ phiếu sở hữu của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

12.3.2. Nguyễn Thanh Đức

Họ và tên	Nguyễn Thanh Đức
Số CMTND	012182358 cấp ngày 16/5/2010 tại Hà Nội
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	18/8/1974
Nơi sinh	Thôn Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 1 C8, TT nhà máy Pin Văn Điển, TT. Văn Điển, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội.
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	024 - 3.8615365
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công nghệ Điện hóa
Quá trình công tác	
07/1998 - 06/1999	Nhân viên Phòng KTCN-MT-KCS Công ty Pin Hà Nội
06/1999 - 08/2002	Kỹ thuật viên Phân xưởng pin Tấm hồ Công ty Pin Hà Nội
09/2002 - 12/2003	Nhân viên Phòng KTCN-MT-KCS Công ty Pin Hà Nội
01/2004-04/2009	Nhân viên Phòng KTCN-MT-KCS Công ty cổ phần Pin Hà Nội
05/2009 - 05/2016	Phó phòng Phòng KTCN-MT-KCS Công ty cổ phần Pin Hà Nội
05/2016 – 06/2018	Phó phòng, phụ trách phòng Phòng KTCN-MT-KCS; Ủy viên Ban Kiểm soát.
07/2018 đến nay	Trưởng phòng KTCN-MT-KCS; Ủy viên Ban Kiểm soát.
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng phòng KTCN-MT-KCS; Ủy viên Ban Kiểm soát.
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	8.303 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,11% vốn điều lệ.

Số cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Số cổ phiếu sở hữu của những người liên quan	Vợ - Nguyễn Thị Thúy Hằng - Sở hữu: 616 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,008% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

12.3.3. Huỳnh Tín Đình

Họ và tên	Huỳnh Tín Đình
Số CMTND	021893754 cấp ngày 18/7/2014 tại Công an TP.HCM
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/11/1963
Nơi sinh	Tp.HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	23/2 Hải Thượng Lãn Ông, P.10, Q.5, Tp.HCM
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	024 - 3.8615365
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
1989-1993	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Poscelin Co., Ltd
1994-2001	Hành nghề tự do
2002-2008	Giám đốc chi nhánh công ty Việt Tiến – Tung Shing
2008-2015	Phó Tổng giám đốc Công ty Hòa Phúc
2012 đến nay	Ủy viên BKS Công ty cổ phần Pin Hà Nội
Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên BKS
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	Không
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Số cổ phiếu sở hữu của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

13. Tài sản

Tình hình tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017		Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	
I. Tài sản hữu hình		58.498.359.904	16.689.685.910	28,53%
1	Nhà cửa vật kiến trúc	12.157.081.167	72.808.510	0,60%
2	Máy móc, thiết bị	40.089.202.397	14.213.639.588	35,46%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6.032.126.088	2.347.829.727	38,92%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	219.950.252	55.408.085	25,19%
II. Tài sản cố định vô hình		40.000.000	16.666.669	41,67%
1	Phần mềm kế toán	40.000.000	16.666.669	41,67%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2017 của CTCP Pin Hà Nội)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017-2018 của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019 ^(*)	
	Kế hoạch (Triệu đồng)	% tăng/ giảm so với năm 2017	Kế hoạch (Triệu đồng)	% tăng/ giảm so với năm 2018
Doanh thu thuần	355.000	5,35%	-	-
Lợi nhuận sau thuế	16.400	-20,92%	-	-
Vốn Điều lệ	72.539	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,62%	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	22,6%	-	-	-
Cổ tức (%)	≥ 20%	-	-	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHCĐ Thường niên số 03/2018/NQ-ĐHCĐ ngày 03/ 05/2018)

(*) Công ty chưa có kế hoạch kinh doanh năm 2019

📌 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

Sự ổn định của thị trường nội địa: Thương hiệu Pin Con Thỏ của Công ty đã tạo lập được chỗ đứng tương đối vững chắc tại thị trường nội địa đặc biệt là các vùng Đồng bằng Bắc Bộ, Miền núi phía Bắc, Duyên hải Trung bộ và Tây nguyên. Thị phần của Công ty tại thị trường nội địa được giữ vững. Thị trường xuất khẩu sang Lào và Campuchia tiếp tục có những tín hiệu khả quan.

Thị trường xuất khẩu thông qua đối tác là cổ đông chiến lược: Cổ đông chiến lược của Công ty là Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore xúc tiến và duy trì được sự ổn định về sản lượng xuất khẩu sang thị trường Ấn độ, Nam Mỹ. Doanh thu xuất khẩu vào các thị trường này duy trì mức độ ổn định giữ tỷ trọng khoảng 30% tổng doanh thu của Công ty trong các năm gần đây. Công ty đã nỗ lực và đáp ứng được hầu hết các yêu cầu từ phía khách hàng từ giá bán cạnh tranh, chất lượng ổn định đến tiến độ giao hàng qua đó tạo dựng được niềm tin từ phía các khách hàng lớn. Nhờ đó, khả năng duy trì và phát triển, nâng cao tỷ trọng doanh thu thông qua cổ đông chiến lược là hết sức khả quan.

Về hệ thống cung ứng: Công ty đã xây dựng được hệ thống các nhà cung cấp truyền thống, có giá cả cạnh tranh, có khả năng đáp ứng kịp thời các nhu cầu đặt hàng của Công ty.

Về Công nghệ: Công ty đã và đang thiết kế thêm kênh sản phẩm pin R6 với mức chất lượng thấp hơn, giá bán thấp hơn theo yêu cầu của khách hàng, đồng thời cũng thiết kế kiểu bao bì mới như vỉ giấy mềm pin R6 cho thị trường Ấn Độ nhằm cung cấp đa dạng sản phẩm cho thị trường xuất khẩu để tăng sản lượng pin xuất khẩu. Đối với pin nội địa nghiên cứu sử dụng một số vật tư, nguyên liệu trong nước sản xuất được thay thế nguyên liệu đang nhập khẩu từ nước ngoài, hoặc thay thế vật tư, nguyên liệu khác đảm bảo chất lượng sản phẩm nhưng giá thành thấp hơn để tăng hiệu quả cho sản xuất kinh doanh.

Về năng lực thiết bị: Công ty hiện có năng lực sản xuất hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất pin Mangan kẽm. Dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại hoạt động theo công nghệ PLC hoàn toàn tự động có năng suất 600c/p. Năng lực thiết bị hiện có của Công ty hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu sản xuất theo kế hoạch 2017; 2018. Ngoài ra Công ty cũng đã có kế hoạch đầu tư bổ sung, thay thế các máy móc thiết bị đã hết khấu hao, có năng suất thấp bằng máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại.

Về nguồn nhân lực: Lực lượng lao động của Công ty được kế thừa kinh nghiệm từ hơn 50 năm lịch sử phát triển của Công ty đồng thời được tiếp thu, cập nhật những kỹ năng mới thông qua sự hỗ trợ từ phía cổ đông chiến lược do đó đã từng bước hoàn thiện để trở nên lành nghề hơn, chuyên nghiệp hơn đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của quá trình phát triển.

Việc đề kế hoạch lợi nhuận sau thuế giảm 20% năm 2018 so với 2017 là do diễn biến tăng giá của nguyên liệu sản xuất chính là kẽm. Tính đến thời điểm lập kế hoạch kinh doanh giá kẽm đã tăng khoảng 20% từ 2.800 lên 3.300 đồng.

Tính đến 30/09/2018, Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt là 263,662 tỷ đồng và 11,972 tỷ đồng chiếm 74,27% và 73% kế hoạch đề ra. Tiếp tục thực hiện bám sát thực hiện kế hoạch đề ra, Công ty cổ phần Pin Hà Nội hoàn toàn có thể đạt được kế hoạch đã nêu trên.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của CTCP Pin Hà Nội, cùng với việc phân tích ngành pin, Công ty cổ phần chứng khoán FPT cho rằng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của CTCP Pin Hà Nội phù hợp với tình hình thị trường, tính khả thi cao nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết (nếu có).

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
3. Mã chứng khoán: PHN
4. Tổng số chứng khoán niêm yết: 7.253.911 cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Theo quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó tổng giám đốc) và Kế toán trưởng của Công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với Thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó tổng giám đốc) và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty là **2.787.986** cổ phiếu chiếm 38,43% vốn điều lệ.

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 1 năm kể từ ngày niêm yết
1	Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc	364.350	182.175
2	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên HĐQT- Phó Giám đốc	117.980	58.990
3	Nguyễn Tiến Triển	- Phó Giám đốc	50.069	25.035
4	Võ Khánh Toàn	Thành viên HĐQT- TP Tài chính	16.800	8.400
5	Nguyễn Cao Sơn	Thành viên HĐQT- Phó Giám đốc	7.723	3.862
6	Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng BKS	34.965	17.483
7	Nguyễn Thanh Quang	Thành viên HĐQT	11.463	5.732

8	Nguyễn Thanh Đức	Thành viên BKS	8.303	4.152
9	GP Batteries International Limited	Người có liên quan đến Thành viên HĐQT	2.176.333	1.088.167
Tổng			2.787.986	1.393.996

6. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty Pin Hà Nội được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}}$$

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/9/2018
Vốn chủ sở hữu	91.237.516.316	103.555.659.029	96.893.379.970
Cổ phiếu đang lưu hành	5.181.443	7.253.911	7.253.911
Giá trị sổ sách một cổ phiếu	17.609	14.276	13.357

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Pin Hà Nội)

7. Phương pháp tính giá

Công ty sử dụng phương pháp tính giá P/E, P/B và các phương pháp khác theo quy định để tính giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu tại sàn HNX.

Phương pháp so sánh P/E;

Phương pháp so sánh P/B;

Các phương pháp khác theo quy định.

Căn cứ vào các phương pháp định giá trên, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tính toán và ra quyết định về mức giá tham chiếu, công bố cho nhà đầu tư trước ngày giao dịch đầu tiên.

8. Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tuân theo quy định hiện hành tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm ngày 28/09/2018 (Ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán), công ty cổ phần Pin Hà Nội có 01 nhà đầu tư nước ngoài, nắm giữ 2.176.333 cổ phiếu chiếm 30% vốn điều lệ Công ty.

9. Các loại thuế có liên quan

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Chi phí thuế TNDN hiện hành áp dụng từ năm 2016 là 20%;
- Thuế giá trị gia tăng: 10%;
- Thuế môn bài, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất, thuế tài nguyên;
- Thuế nhập khẩu, thuế nhà thầu.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 52 Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 024.7737070/ 2717171 Fax: 024.7739058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

Tầng 3. Tòa nhà Bến Thành Times Square. 136 -138 Lê Thị Hồng Gấm.

Phường Nguyễn Thái Bình. Quận 1. TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028. 6 290 8686

Fax: 028. 6 291 0607

Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng

100 Quang Trung. Phường Thạch Thang. Quận Hải Châu. TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3553 666

Fax: 0511. 3553 888

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán

Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu – Hà Nội – Việt Nam

Điện thoại : (024) 38 241 990/1

Fax : (024) 38 253 973

Email : aaschn@hn.vnn.vn

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2018

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Nghĩa

PHẠM VĂN NGHĨA

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TP TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

NGUYỄN THỊ THANH HẢI

VÕ KHÁNH TOÀN

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Nguyễn Thị Thanh